



HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO XUẤT BẢN  
SÁCH XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

# SỔ TAY PHÁP LUẬT DÀNH CHO CÔNG AN XÃ

**ST**

NHÀ XUẤT BẢN  
CHÍNH TRỊ QUỐC GIA



NHÀ XUẤT BẢN  
CÔNG AN NHÂN DÂN

**SỔ TAY PHÁP LUẬT  
DÀNH CHO CÔNG AN XÃ**

# HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO XUẤT BẢN

Chủ tịch Hội đồng

PGS.TS. NGUYỄN THẾ KỶ

Phó Chủ tịch Hội đồng

TS. HOÀNG PHONG HÀ

Thành viên

TRẦN QUỐC DÂN

TS. NGUYỄN ĐỨC TÀI

TS. NGUYỄN AN TIÊM

NGUYỄN VŨ THANH HẢO

Mã số:  $\frac{34(V)13}{CTQG-2015}$

**TS. LÊ VĂN THIỆU - TS. LƯƠNG THỊ HIỀN**  
(Đồng chủ biên)

# **SỔ TAY PHÁP LUẬT DÀNH CHO CÔNG AN XÃ**

**NHÀ XUẤT BẢN  
CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT**

**NHÀ XUẤT BẢN  
CÔNG AN NHÂN DÂN**

**Hà Nội - 2015**

**TẬP THỂ TÁC GIẢ:**

TS. LÊ VĂN THIỆU

TS. LƯƠNG THỊ HIÊN

TS. BÙI VĂN THÀNH

ThS. CÔNG PHƯƠNG VŨ

ThS. ĐỖ HƯƠNG CÚC

## CHÚ DẪN CỦA NHÀ XUẤT BẢN

Công an xã là lực lượng vũ trang bán chuyên trách, thuộc hệ thống tổ chức của Công an nhân dân, làm nòng cốt trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn xã. Công an xã có chức năng tham mưu cho cấp ủy Đảng, Ủy ban nhân dân cùng cấp về công tác bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn xã; thực hiện chức năng quản lý về an ninh, trật tự, an toàn xã hội, các biện pháp phòng, chống tội phạm và các vi phạm pháp luật khác về an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn xã theo quy định của pháp luật.

Để hiểu rõ vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Công an xã; làm tốt công tác xây dựng lực lượng Công an, thực hiện nghiêm túc Pháp lệnh Công an xã và các văn bản pháp luật có liên quan, đồng thời bảo đảm hoạt động, chế độ, chính sách và trách nhiệm quản lý nhà nước về Công an xã, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật phối hợp với Nhà xuất bản Công an nhân dân xuất bản cuốn sách ***Sổ tay pháp luật dành cho Công an xã***, cuốn sách do TS. Lê Văn Thiệu -

TS. Lương Thị Hiên (Đồng chủ biên), nội dung gồm các câu hỏi - trả lời bám sát các quy định của Pháp lệnh Công an xã năm 2008 và các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

*Tháng 9 năm 2015*

**NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT**

# I. VỊ TRÍ, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ TỔ CHỨC CỦA CÔNG AN XÃ

---

**Câu hỏi 1. Theo quy định của pháp luật hiện hành, lực lượng Công an xã được xác định như thế nào trong cơ cấu và hệ thống tổ chức Công an nhân dân?**

***Trả lời:***

Theo quy định tại Điều 4 Luật Công an nhân dân năm 2014, về cơ cấu, Công an nhân dân gồm lực lượng An ninh nhân dân, lực lượng Cảnh sát nhân dân và Công an xã.

Về hệ thống tổ chức của Công an nhân dân, theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Luật Công an nhân dân năm 2014 gồm có:

- Bộ Công an;
- Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;
- Công an xã, phường, thị trấn.

Từ phân tích nêu trên cho thấy, Công an xã là một lực lượng trong cơ cấu lực lượng của Công an



nhân dân và là một cấp Công an trong hệ thống tổ chức của Công an nhân dân.

**Câu hỏi 2. Lực lượng Công an xã có vị trí như thế nào trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh Tổ quốc, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội?**

***Trả lời:***

Công an xã là lực lượng nòng cốt trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở cơ sở. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức, hoạt động và chế độ, chính sách đối với Công an xã do luật quy định. Theo đó, tại điểm 1 Điều 3 Pháp lệnh Công an xã năm 2008, Công an xã được xác định là lực lượng vũ trang bán chuyên trách, thuộc hệ thống tổ chức của Công an nhân dân, làm nòng cốt trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn xã.

**Câu hỏi 3. Lực lượng Công an xã có những chức năng cơ bản gì?**

***Trả lời:***

Trên cơ sở xác định vị trí của Công an xã trong hệ thống tổ chức của Công an nhân dân, điểm 2 Điều 3 Pháp lệnh Công an xã năm 2008 đã quy định những chức năng cơ bản của Công an xã, cụ thể như sau:

- Công an xã có chức năng tham mưu cho cấp ủy Đảng, Ủy ban nhân dân cùng cấp về công tác

bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn xã;

- Công an xã thực hiện chức năng quản lý về an ninh, trật tự, an toàn xã hội, các biện pháp phòng, chống tội phạm và các vi phạm pháp luật khác về an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn xã theo quy định của pháp luật.

**Câu hỏi 4. Để thực hiện tốt vị trí, chức năng của mình theo quy định của pháp luật, Công an xã được thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn cơ bản nào?**

**Trả lời:**

Để thực hiện tốt vị trí, chức năng theo quy định của pháp luật, Điều 9 Pháp lệnh Công an xã năm 2008 đã quy định cụ thể về 14 nhóm nhiệm vụ, quyền hạn cơ bản của Công an xã, cụ thể như sau:

- Nắm tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn xã, đề xuất với cấp ủy Đảng, Ủy ban nhân dân cùng cấp và cơ quan Công an cấp trên về chủ trương, kế hoạch, biện pháp bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội và tổ chức thực hiện chủ trương, kế hoạch, biện pháp đó;

- Làm nòng cốt xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về an ninh, trật tự, an toàn xã hội; hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện quy định của

pháp luật về an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn xã theo thẩm quyền;

- Tham mưu cho Ủy ban nhân dân xã và tổ chức thực hiện quy định của pháp luật về quản lý, giáo dục các đối tượng phải chấp hành hình phạt quản chế, cải tạo không giam giữ, người bị kết án tù nhưng được hưởng án treo cư trú trên địa bàn xã; quản lý người được đặc xá, người sau cai nghiện ma túy và người chấp hành xong hình phạt tù thuộc diện phải tiếp tục quản lý theo quy định của pháp luật;

- Chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức và lực lượng khác phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh chống tội phạm và tệ nạn xã hội theo quy định của pháp luật; bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội; bảo vệ tính mạng, tài sản của cá nhân, cơ quan, tổ chức trên địa bàn xã;

- Thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý cư trú, chứng minh nhân dân và các giấy tờ đi lại khác; quản lý vật liệu nổ, vũ khí, công cụ hỗ trợ, phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường; quản lý về an ninh, trật tự đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trên địa bàn xã theo phân cấp và hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Công an;

- Tiếp nhận, phân loại, xử lý theo thẩm quyền các vụ việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật về an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn xã; kiểm tra người, đồ vật, giấy tờ tùy thân, thu giữ vũ khí, hung khí của người có hành vi vi phạm pháp luật

quả tang; tổ chức cấp cứu nạn nhân, bảo vệ hiện trường và báo cáo ngay cho cơ quan có thẩm quyền; lập hồ sơ ban đầu, lấy lời khai người bị hại, người biết vụ việc, thu giữ, bảo quản vật chứng theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Công an; cung cấp hồ sơ, tài liệu, vật chứng, thông tin thu thập được và tạo điều kiện cho cơ quan có thẩm quyền xác minh, xử lý vụ việc;

- Tổ chức bắt người phạm tội quả tang, người có quyết định truy nã, truy tìm đang lẩn trốn trên địa bàn xã; dẫn giải người bị bắt lên cơ quan Công an cấp trên trực tiếp;

- Xử phạt vi phạm hành chính; lập hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính khác đối với người vi phạm pháp luật trên địa bàn xã theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Công an;

- Được yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn xã phối hợp hoạt động, cung cấp thông tin và thực hiện nhiệm vụ có liên quan đến bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

- Trong trường hợp cấp thiết, để cấp cứu người bị nạn, cứu hộ, cứu nạn, đuổi bắt người phạm tội quả tang, người có quyết định truy nã, truy tìm, được huy động người, phương tiện của tổ chức, cá nhân và phải trả lại ngay phương tiện được huy động khi tình huống chấm dứt và báo cáo ngay với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp. Trường hợp

có thiệt hại về tài sản thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật; người được huy động làm nhiệm vụ mà bị thương hoặc bị chết thì được giải quyết theo chính sách của Nhà nước;

- Được sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ và thực hiện một số biện pháp công tác công an theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Công an để bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn xã;

- Tham gia thực hiện công tác tuyển sinh, tuyển dụng vào lực lượng vũ trang nhân dân; luyện tập, diễn tập thực hiện các phương án quốc phòng, an ninh, cứu hộ, cứu nạn, khắc phục hậu quả thiên tai và các sự cố nghiêm trọng khác;

- Xây dựng lực lượng Công an xã trong sạch, vững mạnh về chính trị, tổ chức và nghiệp vụ;

- Thực hiện nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

**Câu hỏi 5. Là lực lượng vũ trang bán chuyên trách ở cơ sở, làm nòng cốt trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn xã, Công an xã hoạt động theo nguyên tắc tổ chức và hoạt động như thế nào?**

**Trả lời:**

Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Công an xã được xác định là những tư tưởng, quan điểm

chỉ đạo, xuyên suốt, chi phối toàn bộ quá trình xây dựng lực lượng Công an xã trong sạch, vững mạnh, xứng đáng là lực lượng nòng cốt trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở cơ sở; đồng thời chi phối quá trình tổ chức, hoạt động của Công an xã. Do đặc thù vừa là cơ quan chuyên trách của Ủy ban nhân dân xã, đồng thời vừa là một cấp Công an ở cơ sở thuộc hệ thống tổ chức của Công an nhân dân, theo đó, Điều 4 Pháp lệnh Công an xã năm 2008 quy định về nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Công an xã như sau:

- Công an xã chịu sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của cấp ủy Đảng, sự quản lý, điều hành của Ủy ban nhân dân cùng cấp và sự chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ của Công an cấp trên.

- Hoạt động của Công an xã tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; cấp dưới phục tùng cấp trên; dựa vào Nhân dân, chịu sự giám sát của Nhân dân.

**Câu hỏi 6. Những cơ quan nhà nước nào có thẩm quyền giám sát việc thực hiện pháp luật về Công an xã và hoạt động của Công an xã?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 6 Pháp lệnh Công an xã năm 2008, việc giám sát hoạt động của Công an xã được quy định như sau:

- Cơ quan của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, đại biểu

Hội đồng nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện pháp luật về Công an xã.

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận có trách nhiệm phối hợp, cộng tác, giúp đỡ Công an xã thực hiện nhiệm vụ; giám sát hoạt động của Công an xã; động viên mọi tầng lớp nhân dân tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

**Câu hỏi 7. Trong thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội, quan hệ phối hợp giữa Công an xã với cơ quan, tổ chức, cá nhân và đơn vị vũ trang nhân dân được xác định như thế nào?**

***Trả lời:***

Bảo vệ an ninh, trật tự là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân và của cả hệ thống chính trị, trong đó lực lượng Công an nhân dân đóng vai trò nòng cốt. Xuất phát từ vị trí Công an xã là lực lượng nòng cốt trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn xã, vì vậy, trong lĩnh vực bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa bàn xã, Công an xã đóng vai trò chủ trì; cơ quan, tổ chức, cá nhân và đơn vị vũ trang nhân dân có trách nhiệm phối hợp, cộng tác, giúp đỡ theo chức năng, nhiệm vụ được giao và quy định của pháp luật. Cụ

thể hóa nội dung này, Điều 7 Pháp lệnh Công an xã năm 2008 quy định về quan hệ phối hợp giữa Công an xã với cơ quan, tổ chức, cá nhân và đơn vị vũ trang nhân dân trong lĩnh vực bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội như sau:

- Công an xã chủ trì, phối hợp với Dân quân tự vệ, đơn vị Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, cơ quan, tổ chức trên địa bàn xã thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn xã;

- Đơn vị vũ trang nhân dân, cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn xã có trách nhiệm phối hợp, cộng tác, giúp đỡ Công an xã thực hiện nhiệm vụ.

**Câu hỏi 8. Liên quan đến lực lượng Công an xã, pháp luật hiện hành quy định như thế nào về những hành vi bị nghiêm cấm đối với nhóm đối tượng là cơ quan, tổ chức, cá nhân?**

**Trả lời:**

Tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 6 Điều 8 Pháp lệnh Công an xã năm 2008 đã quy định về những hành vi bị nghiêm cấm đối với nhóm đối tượng là cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến lực lượng Công an xã, cụ thể là:

- Tổ chức, sử dụng lực lượng Công an xã trái với quy định của pháp luật.

- Giả danh Công an xã.

- Chống lại hoặc cản trở Công an xã thi hành công vụ.



- Sản xuất, mua bán, sử dụng trái phép vũ khí, công cụ hỗ trợ, trang phục, phù hiệu của Công an xã.

- Hành vi vi phạm pháp luật khác liên quan đến tổ chức, hoạt động của Công an xã.

**Câu hỏi 9. Pháp luật hiện hành quy định những hành vi nào bị nghiêm cấm đối với Công an xã?**

*Trả lời:*

Tại các khoản 1, 5 và 6 Điều 8 Pháp lệnh Công an xã năm 2008 đã quy định về những hành vi bị nghiêm cấm đối với Công an xã, cụ thể là:

- Tổ chức, sử dụng lực lượng Công an xã trái với quy định của pháp luật.

- Lợi dụng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Công an xã để gây phiền hà, sách nhiễu nhân dân, xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

- Hành vi vi phạm pháp luật khác liên quan đến tổ chức, hoạt động của Công an xã.

**Câu hỏi 10. Theo quy định của pháp luật hiện hành, Công an xã có những chức danh nào?**

*Trả lời:*

Theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Pháp lệnh Công an xã năm 2008, Công an xã gồm các chức

danh: Trưởng Công an xã, Phó trưởng Công an xã và Công an viên, trong đó, Công an viên được bố trí tại thôn, xóm, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc và bố trí làm nhiệm vụ thường trực tại trụ sở hoặc nơi làm việc của Công an xã.

**Câu hỏi 11. Thẩm quyền quyết định khung số lượng Phó trưởng Công an xã và Công an viên là chủ thể nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Pháp lệnh Công an xã năm 2008, Chính phủ quy định khung số lượng Phó trưởng Công an xã và Công an viên. Căn cứ vào quy định khung số lượng của Chính phủ và tình hình thực tế của địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh) trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định cụ thể số lượng Phó trưởng Công an xã và Công an viên từng xã.

**Câu hỏi 12. Việc bố trí khung số lượng Phó trưởng Công an xã được xác định dựa trên những cơ sở nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 7-9-2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã (sau đây gọi là Nghị định

số 73/2009/NĐ-CP), việc bố trí khung số lượng Phó trưởng Công an xã được thực hiện như sau: Mỗi xã được bố trí 01 Phó trưởng Công an xã; xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự, xã loại 1 và xã loại 2 được bố trí không quá 02 Phó trưởng Công an xã.

**Câu hỏi 13. Theo quy định của pháp luật hiện hành, việc xác định xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự được thực hiện như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo khoản 1 Điều 3 Nghị định số 73/2009/NĐ-CP, việc xác định xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự được quy định như sau:

- Xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự là xã có vị trí quan trọng về chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, an ninh - quốc phòng hoặc nơi có tình hình an ninh chính trị thường xuyên có diễn biến phức tạp.

Việc xác định xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đề nghị, Bộ trưởng Bộ Công an xem xét, quyết định. Hằng năm, các địa phương rà soát, đề nghị điều chỉnh, bổ sung xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự.

Tại Điều 3 Thông tư số 12/2010/TT-BCA ngày 08-4-2010 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định cụ

thể thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã<sup>1</sup> (sau đây gọi là Thông tư số 12/2010/TT-BCA đã sửa đổi, bổ sung) quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành việc xác định xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự, cụ thể như sau:

- Xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự bao gồm: xã có đường biên giới quốc gia; xã đảo; xã nội địa; xã ven biển có vị trí quan trọng về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng hoặc xã có tình hình an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội thường xuyên có diễn biến phức tạp;

- Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm đề xuất, lập danh sách xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương duyệt, ký đề nghị Bộ trưởng Bộ Công an xem xét, quyết định.

Cục Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc chịu trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ, chủ trì, phối hợp với các Tổng cục, các đơn vị, có liên quan của Bộ Công an nghiên cứu, trình Bộ trưởng Bộ Công an xem xét, quyết định danh sách xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự; trường hợp cần thiết thì mời Giám đốc Công an

---

1. Khoản 2 Điều 17 của Thông tư số 12/2010/TT-BCA được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 14/2014/TT-BCA ngày 04-4-2014 (BT).

cấp tỉnh, để trao đổi thống nhất trước khi trình Bộ trưởng Bộ Công an xem xét, quyết định.

**Câu hỏi 14. Việc xác định xã loại 1, xã loại 2 được pháp luật hiện hành quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Việc xác định xã loại 1, xã loại 2 được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 159/2005/NĐ-CP ngày 27-12-2005 của Chính phủ về phân loại đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là Nghị định số 159/2005/NĐ-CP). Theo đó, xã, phường, thị trấn được phân làm ba loại đơn vị hành chính sau: Xã, phường, thị trấn loại 1; xã, phường, thị trấn loại 2; xã, phường, thị trấn loại 3. Việc phân loại được dựa trên tiêu chí về dân số, diện tích và các yếu tố đặc thù (Điều 4) (khu vực, tỷ lệ người dân tộc thiểu số, tỷ lệ tín đồ tôn giáo) và tính điểm theo cách thức quy định, từ đó căn cứ vào khung điểm để xác định phân loại đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn.

Về cách thức tính điểm được quy định tại Điều 5 Nghị định số 159/2005/NĐ-CP như sau:

- Đối với xã miền núi, vùng cao, vùng sâu, vùng xa:

+ Về dân số: Xã có dân số dưới 1.000 nhân khẩu được tính 45 điểm; xã có từ 1.000 đến 5.000 nhân khẩu, cứ tăng 1.000 nhân khẩu được tính

thêm 12 điểm và được tính từ 46 đến 93 điểm; xã có trên 5.000 nhân khẩu, cứ tăng 1.000 nhân khẩu được tính thêm 11 điểm và được tính từ 94 đến tối đa không quá 200 điểm.

+ Về diện tích: Xã có diện tích tự nhiên dưới 1.000 ha được tính 30 điểm; xã có từ 1.000 đến 3.000 ha, cứ tăng 1.000 ha được tính thêm 10 điểm và được tính từ 31 đến 50 điểm; xã có trên 3.000 ha, cứ tăng 1.000 ha được tính thêm 09 điểm và được tính từ 51 đến tối đa không quá 100 điểm.

+ Các yếu tố đặc thù: Xã thuộc khu vực I được tính 10 điểm; xã thuộc khu vực II được tính 15 điểm; xã thuộc khu vực III được tính 20 điểm; xã đặc biệt khó khăn và xã an toàn khu (ATK) được tính 20 điểm.

Xã có tỷ lệ người dân tộc thiểu số chiếm từ 30 đến 50% dân số được tính 10 điểm, chiếm trên 50% dân số được tính 15 điểm.

Xã có tỷ lệ tín đồ tôn giáo chiếm từ 30 đến 50% dân số được tính 10 điểm, chiếm trên 50% dân số được tính 15 điểm.

- Đòi với xã đồng bằng:

+ Về dân số: Xã có dân số dưới 2.000 nhân khẩu được tính 45 điểm; xã có từ 2.000 đến 8.000 nhân khẩu, cứ tăng 1.000 nhân khẩu được tính thêm 11 điểm và được tính từ 46 đến 111 điểm; xã có trên 8.000 nhân khẩu, cứ tăng 1.000 nhân

khẩu được tính thêm 10 điểm và được tính từ 112 đến tối đa không quá 200 điểm.

+ Về diện tích: Xã có diện tích tự nhiên dưới 500 ha được tính 30 điểm; xã có từ 500 đến 2.500 ha, cứ tăng 1.000 ha được tính thêm 11 điểm và được tính từ 31 đến 52 điểm; xã có trên 2.500 ha, cứ tăng 1.000 ha được tính thêm 10 điểm và được tính từ 53 đến tối đa không quá 100 điểm.

+ Về các yếu tố đặc thù: Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và xã an toàn khu (ATK) được tính 20 điểm.

Xã có số lao động nông - lâm - ngư - diêm nghiệp chiếm thấp hơn hoặc bằng 45% tổng số lao động toàn xã được tính 10 điểm.

Xã có tỷ lệ thu ngân sách bình quân hằng năm trên địa bàn (tính bình quân trong 03 năm đến năm ngân sách gần nhất) đạt 100% kế hoạch được tính 05 điểm, thu đạt thêm 10% được tính thêm 02 điểm đến tối đa không quá 15 điểm.

Xã có tỷ lệ tín đồ tôn giáo chiếm từ 30 đến 50% dân số được tính 10 điểm, chiếm trên 50% dân số được tính 15 điểm.

- Đối với phường và thị trấn:

+ Về dân số: Phường và thị trấn có dân số dưới 3.000 nhân khẩu được tính 45 điểm; phường và thị trấn có từ 3.000 đến 10.000 nhân khẩu, cứ tăng 1.000 nhân khẩu được tính thêm 10 điểm và được tính từ 46 đến 115 điểm; phường và thị trấn

có trên 10.000 nhân khẩu, cứ tăng 1.000 nhân khẩu được tính thêm 09 điểm và được tính từ 116 đến không quá 200 điểm.

+ Về diện tích: Phường và thị trấn có diện tích tự nhiên dưới 500 ha được tính 30 điểm; phường và thị trấn có từ 500 đến 2.000 ha, cứ tăng 500 ha được tính thêm 10 điểm và được tính từ 31 đến 60 điểm; phường và thị trấn có trên 2.000 ha, cứ tăng 500 ha được tính thêm 08 điểm và được tính từ 61 đến không quá 100 điểm.

+ Về các yếu tố đặc thù: Phường và thị trấn miền núi, vùng cao, vùng sâu, vùng xa và an toàn khu (ATK) được tính 20 điểm.

Phường thuộc đô thị loại đặc biệt được tính 20 điểm, phường thuộc đô thị loại I được tính 15 điểm; phường thuộc đô thị loại II được tính 10 điểm; phường thuộc đô thị loại III được tính 08 điểm và phường thuộc đô thị loại IV được tính 05 điểm; thị trấn có vị trí trung tâm huyện lỵ được tính 10 điểm.

Phường và thị trấn có tỷ lệ thu ngân sách bình quân hàng năm trên địa bàn (tính bình quân trong 03 năm đến năm ngân sách gần nhất) đạt 100% kế hoạch được tính 05 điểm, thu đạt thêm 10% được tính thêm 02 điểm đến không quá 15 điểm.

Phường và thị trấn có tỷ lệ tín đồ tôn giáo chiếm từ 30 đến 50% dân số được tính 10 điểm, chiếm trên 50% dân số được tính 15 điểm.



Căn cứ vào khung điểm, việc xác định phân loại đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn loại 1, loại 2 được xác định theo Điều 6 Nghị định số 159/2005/NĐ-CP, như sau:

- Xã, phường, thị trấn loại 1 có từ 221 điểm trở lên;

- Xã, phường, thị trấn loại 2 có từ 141 đến 220 điểm;

- Xã, phường, thị trấn loại 3 có từ 140 điểm trở xuống.

Các xã, phường, thị trấn thuộc địa bàn biên giới và hải đảo là đơn vị hành chính cấp xã loại 1.

**Câu hỏi 15. Việc bố trí Công an viên tại địa bàn cơ sở và tại trụ sở hoặc nơi làm việc được quy định như thế nào?**

***Trả lời:***

Điểm b khoản 1 Điều 13 Thông tư số 12/2010/TT-BCA đã sửa đổi, bổ sung quy định về việc bố trí Công an viên tại địa bàn cơ sở và tại trụ sở hoặc nơi làm việc như sau:

- Mỗi thôn, xóm, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc và đơn vị dân cư tương đương được bố trí một Công an viên. Đối với thôn, bản thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự và xã loại 1, xã loại 2 được bố trí không quá 02 Công an viên, trong đó đơn vị dân cư tương đương với thôn, bản là đơn vị dân cư của thị trấn được Ủy ban nhân

dân cấp tỉnh đề nghị bố trí Công an viên tại đơn vị dân cư này.

- Tại trụ sở hoặc nơi làm việc của Công an xã được bố trí không quá 03 Công an viên làm nhiệm vụ thường trực 24/24 giờ hằng ngày.

**Câu hỏi 16. Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm như thế nào trong việc đề xuất quy định Phó trưởng Công an xã và Công an viên?**

***Trả lời:***

Khoản 2 Điều 13 Thông tư số 12/2010/TT-BCA đã sửa đổi, bổ sung: Căn cứ vào quy định của Nghị định số 73/2009/NĐ-CP và Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22-10-2009 của Chính phủ quy định về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã<sup>1</sup>, Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan có liên quan đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trình Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định Phó trưởng Công an xã và Công an viên

---

1. Nghị định số 92/2009/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08-4-2013 (sau đây gọi là Nghị định số 92/2009/NĐ-CP đã sửa đổi, bổ sung).

thuộc chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và quyết định cụ thể số lượng Phó trưởng Công an xã, Công an viên thường trực, Công an viên của từng xã, từng thôn, bản.

**Câu hỏi 17. Việc tuyển chọn vào Công an xã cần bảo đảm những tiêu chuẩn cơ bản nào?**

**Trả lời:**

Những tiêu chuẩn cơ bản để tuyển chọn vào Công an xã được quy định như sau:

1. Theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Pháp lệnh Công an xã năm 2008, công dân Việt Nam có đủ tiêu chuẩn về chính trị, phẩm chất đạo đức, trình độ học vấn, sức khỏe theo quy định của Chính phủ, có nguyện vọng và năng khiếu phù hợp với công tác công an thì được xem xét, tuyển chọn vào Công an xã.

2. Để quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành khoản 1 Điều 5 Pháp lệnh Công an xã năm 2008 nêu trên, khoản 1 Điều 4 Nghị định số 73/2009/NĐ-CP và Điều 14 Thông tư số 12/2010/TT-BCA đã sửa đổi, bổ sung đã quy định cụ thể về tiêu chuẩn tuyển chọn vào Công an xã. Theo đó, công dân Việt Nam từ đủ 18 tuổi trở lên, có đủ các tiêu chuẩn về phẩm chất đạo đức, chính trị, sức khỏe, trình độ học vấn, khả năng thực hiện nhiệm vụ Công an xã dưới đây thì được xem xét, tuyển chọn vào Công an xã nơi mình cư trú:

- Lý lịch rõ ràng, phẩm chất đạo đức tốt, không có tiền án, tiền sự; bản thân và gia đình chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Riêng đối với chức danh Trưởng Công an xã thì phải là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam;

- Đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ Công an xã (được cơ sở y tế cấp huyện trở lên chứng nhận);

- Trưởng Công an xã, Phó trưởng Công an xã phải là người đã học xong chương trình trung học phổ thông trở lên (có bằng tốt nghiệp hoặc có giấy chứng nhận đã học hết chương trình trung học phổ thông do cơ quan có thẩm quyền cấp); Công an viên phải là người đã tốt nghiệp từ trung học cơ sở trở lên;

Đối với miền núi, vùng sâu, vùng xa không có đối tượng tuyển chọn đủ tiêu chuẩn học vấn theo quy định như nêu trên thì trình độ học vấn của Trưởng Công an xã, Phó trưởng Công an xã và Công an viên có thể thấp hơn nhưng cũng phải là người đã học xong chương trình tiểu học trở lên.

- Có khả năng thực hiện nhiệm vụ và có đơn tự nguyện tham gia Công an xã.

3. Trường hợp đặc biệt, ở miền núi, vùng sâu, vùng xa mà không thể có người đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo quy định nêu trên để làm Trưởng Công an xã thì phải báo cáo Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trước khi bổ nhiệm Trưởng Công an xã.

4. Đối với người dự kiến đề nghị bổ nhiệm vào vị trí Trưởng Công an xã và Phó trưởng Công an xã, Ủy ban nhân dân xã phải tổ chức lấy ý kiến đại diện các thôn, bản và chi bộ Đảng nơi người đó sinh hoạt (nếu là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam) trước khi xem xét, giới thiệu.

**Câu hỏi 18. Đối tượng nào được ưu tiên tuyển chọn tham gia lực lượng Công an xã?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 73/2009/NĐ-CP, Nhà nước có chính sách ưu tiên tuyển chọn chiến sĩ phục vụ có thời hạn trong Công an nhân dân đã hoàn thành nghĩa vụ trở về địa phương tham gia lực lượng Công an xã.

**Câu hỏi 19. Việc tuyển chọn người tham gia Công an xã cần bảo đảm những nguyên tắc nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 73/2009/NĐ-CP, việc tuyển chọn người tham gia Công an xã phải bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch, theo đúng tiêu chuẩn quy định của pháp luật.

**Câu hỏi 20. Hồ sơ tuyển chọn vào Công an xã bao gồm những tài liệu, giấy tờ gì?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư

số 12/2010/TT-BCA đã sửa đổi, bổ sung hồ sơ tuyển chọn vào Công an xã gồm:

1. Đơn xin tham gia lực lượng Công an xã.
2. Bản khai lý lịch cá nhân có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã.
3. Giấy khám sức khỏe của cơ sở y tế từ cấp huyện trở lên.
4. Bằng tốt nghiệp hoặc giấy chứng nhận trình độ học vấn theo quy định của pháp luật.

**Câu hỏi 21. Chính quyền địa phương có trách nhiệm như thế nào trong việc quy hoạch, kế hoạch tuyển chọn, bố trí, sử dụng Công an xã?**

***Trả lời:***

Theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 7-9-2009 của Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân xã phải có quy hoạch, kế hoạch tuyển chọn, bố trí, sử dụng Công an xã, bảo đảm tính ổn định, lâu dài, đáp ứng yêu cầu bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa bàn cơ sở.

Trưởng Công an cấp huyện, Trưởng Công an xã có trách nhiệm tham mưu, giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp trong việc quy hoạch, tuyển chọn, bố trí, sử dụng Công an xã.

**Câu hỏi 22. Trình tự, thủ tục, thẩm quyền quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động,**

**cách chức Trưởng Công an xã được pháp luật quy định như thế nào?**

***Trả lời:***

Theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Pháp lệnh Công an xã năm 2008 thì trình tự, thủ tục, thẩm quyền quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, cách chức Trưởng Công an xã được thực hiện như sau:

Trưởng Công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh sau khi trao đổi, thông nhất với Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, cách chức Trưởng Công an xã.

**Câu hỏi 23. Trình tự, thủ tục, thẩm quyền quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó trưởng Công an xã được quy định như thế nào?**

***Trả lời:***

Theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Pháp lệnh Công an xã năm 2008 thì trình tự, thủ tục, thẩm quyền quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó trưởng Công an xã được thực hiện như sau:

Trưởng Công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh sau khi trao đổi, thông nhất với Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố

thuộc tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó trưởng Công an xã.

**Câu hỏi 24. Trình tự, thủ tục, thẩm quyền quyết định công nhận, miễn nhiệm Công an viên được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Pháp lệnh Công an xã năm 2008 và khoản 4 Điều 13 Thông tư số 12/2010/TT-BCA đã sửa đổi, bổ sung thì trình tự, thủ tục, thẩm quyền quyết định công nhận, miễn nhiệm Công an viên được thực hiện như sau:

1. Trưởng Công an xã có trách nhiệm báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của Trưởng Công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh trước khi đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã quyết định công nhận, miễn nhiệm Công an viên. Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo của Công an xã, Trưởng Công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh phải có văn bản trả lời để Công an xã trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã ra quyết định công nhận, miễn nhiệm Công an viên.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã theo đề nghị của Trưởng Công an xã quyết định công nhận, miễn nhiệm Công an viên.

**Câu hỏi 25. Trong trường hợp nào thì được điều động sĩ quan, hạ sĩ quan Công an nhân dân đảm nhiệm các chức danh Công an xã và**



**trình tự, thủ tục, thẩm quyền quyết định trong trường hợp này được pháp luật quy định như thế nào?**

***Trả lời:***

Theo quy định tại khoản 4 Điều 10 Pháp lệnh Công an xã năm 2008, trong trường hợp cần thiết, do yêu cầu bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội, Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sau khi trao đổi, thống nhất với Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh quyết định điều động sĩ quan, hạ sĩ quan Công an nhân dân đảm nhiệm các chức danh Công an xã.

**Câu hỏi 26. Theo quy định của pháp luật hiện hành, Trưởng Công an xã có nhiệm vụ, quyền hạn như thế nào?**

***Trả lời:***

Theo quy định tại Điều 11 Pháp lệnh Công an xã năm 2008, Trưởng Công an xã có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Có trách nhiệm tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Công an xã quy định tại Điều 9 của Pháp lệnh Công an xã năm 2008 bao gồm:

- Nắm tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn xã, đề xuất với cấp ủy Đảng, Ủy ban nhân dân cùng cấp và cơ quan Công an cấp trên về chủ trương, kế hoạch, biện pháp bảo đảm

an ninh, trật tự, an toàn xã hội và tổ chức thực hiện chủ trương, kế hoạch, biện pháp đó. Làm nòng cốt xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về an ninh, trật tự, an toàn xã hội; hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện quy định của pháp luật về an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn xã theo thẩm quyền.

- Tham mưu cho Ủy ban nhân dân xã và tổ chức thực hiện quy định của pháp luật về quản lý, giáo dục các đối tượng phải chấp hành hình phạt quản chế, cải tạo không giam giữ, người bị kết án tù nhưng được hưởng án treo cư trú trên địa bàn xã; quản lý người được đặc xá, người sau cai nghiện ma túy và người chấp hành xong hình phạt tù thuộc diện phải tiếp tục quản lý theo quy định của pháp luật.

- Chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức và lực lượng khác phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh chống tội phạm và tệ nạn xã hội theo quy định của pháp luật; bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội; bảo vệ tính mạng, tài sản của cá nhân, cơ quan, tổ chức trên địa bàn xã.

- Thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý cư trú, chứng minh nhân dân và các giấy tờ đi lại khác; quản lý vật liệu nổ, vũ khí, công cụ hỗ trợ, phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường;

quản lý về an ninh, trật tự đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trên địa bàn xã theo phân cấp và hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Công an.

- Tiếp nhận, phân loại, xử lý theo thẩm quyền các vụ việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật về an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn xã; kiểm tra người, đồ vật, giấy tờ tùy thân, thu giữ vũ khí, hung khí của người có hành vi vi phạm pháp luật quả tang; tổ chức cấp cứu nạn nhân, bảo vệ hiện trường và báo cáo ngay cho cơ quan có thẩm quyền; lập hồ sơ ban đầu, lấy lời khai người bị hại, người biết vụ việc, thu giữ, bảo quản vật chứng theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Công an; cung cấp hồ sơ, tài liệu, vật chứng, thông tin thu thập được và tạo điều kiện cho cơ quan có thẩm quyền xác minh, xử lý vụ việc.

- Tổ chức bắt người phạm tội quả tang, người có quyết định truy nã, truy tìm đang lẩn trốn trên địa bàn xã; dẫn giải người bị bắt lên cơ quan Công an cấp trên trực tiếp.

- Xử phạt vi phạm hành chính; lập hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính khác đối với người vi phạm pháp luật trên địa bàn xã theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Công an.

- Được yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn xã phối hợp hoạt động, cung cấp thông tin và thực hiện nhiệm vụ có liên quan đến bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

- Trong trường hợp cấp thiết, để cấp cứu người bị nạn, cứu hộ, cứu nạn, đuổi bắt người phạm tội quả tang, người có quyết định truy nã, truy tìm, được huy động người, phương tiện của tổ chức, cá nhân và phải trả lại ngay phương tiện được huy động khi tình huống chấm dứt và báo cáo ngay với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp. Trường hợp có thiệt hại về tài sản thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật; người được huy động làm nhiệm vụ mà bị thương hoặc bị chết thì được giải quyết theo chính sách của Nhà nước.

- Được sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ và thực hiện một số biện pháp công tác công an theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Công an để bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn xã.

- Tham gia thực hiện công tác tuyển sinh, tuyển dụng vào lực lượng vũ trang nhân dân; luyện tập, diễn tập thực hiện các phương án quốc phòng, an ninh, cứu hộ, cứu nạn, khắc phục hậu quả thiên tai và các sự cố nghiêm trọng khác.

- Xây dựng lực lượng Công an xã trong sạch, vững mạnh về chính trị, tổ chức và nghiệp vụ. Thực hiện nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Ủy ban nhân dân cùng cấp và Công an cấp trên về hoạt động của Công an xã.

**Câu hỏi 27. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó trưởng Công an xã được pháp luật quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 12 Pháp lệnh Công an xã năm 2008, Phó trưởng Công an xã giúp Trưởng Công an xã thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Trưởng Công an xã; khi Trưởng Công an xã vắng mặt thì Phó trưởng Công an xã được Trưởng Công an xã ủy quyền thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng Công an xã.

**Câu hỏi 28. Theo quy định của pháp luật hiện hành, Công an viên được thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn nào?**

**Trả lời:**

Nhiệm vụ, quyền hạn của Công an viên được quy định tại Điều 13 Pháp lệnh Công an xã năm 2008. Theo đó, Công an viên thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Trưởng Công an xã; chịu trách nhiệm triển khai thực hiện chủ trương, kế hoạch, biện pháp bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở địa bàn dân cư do mình phụ trách và thực hiện các nhiệm vụ khác về bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội do Trưởng Công an xã giao.

**Câu hỏi 29. Trong công tác nắm tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội, Công an xã**

**phải tìm hiểu và nắm vững những nội dung cơ bản gì?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 12/2010/TT-BCA đã sửa đổi, bổ sung, tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội mà Công an xã phải nắm vững bao gồm những vấn đề chủ yếu sau đây:

- Tình hình hoạt động của các đối tượng có tiền án, tiền sự; người được đặc xá, tha tù trước thời hạn; người chấp hành xong hình phạt tù; bị can, bị cáo đang tại ngoại; người bị cơ quan tiến hành tố tụng áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; người bị kết án phạt tù nhưng chưa có quyết định thi hành án hoặc được hoãn, tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù hoặc được hưởng án treo; người phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, cấm cư trú, quản chế, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, tước một số quyền công dân; người phải chấp hành biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn; người bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh, trường giáo dưỡng nhưng được hoãn hoặc được tạm đình chỉ chấp hành quyết định; người nghiện ma túy hoặc sau cai nghiện ma túy;

- Biểu hiện và hành vi tham nhũng, tiêu cực, lãng phí; các hiện tượng tụ tập, gây rối trật tự công cộng, khiêu khích đông người; chia rẽ, gây mất

đoàn kết trong nhân dân; tổ chức, lôi kéo, kích động người khác chống lại chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; các vụ việc về chính trị, hình sự, kinh tế; các tệ nạn xã hội và vi phạm pháp luật khác xảy ra trên địa bàn xã;

- Tình hình biến động về dân cư và những người ở nơi khác đến cư trú, làm ăn, sinh sống trên địa bàn xã. Đối với xã biên giới, bờ biển, hải đảo, cần nắm vững tình hình xâm nhập, hoạt động và cư trú trái phép của người nước ngoài trên địa bàn xã;

- Tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội xảy ra trong cơ quan, doanh nghiệp, trường học, tổ chức, đoàn thể ở cơ sở và tình hình khác có liên quan đến công tác bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội; sơ hở, thiếu sót trong việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và đề xuất biện pháp khắc phục.

Tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội do Công an xã tiến hành đều phải lưu vào hồ sơ theo đúng quy định và hướng dẫn của Công an cấp trên. Những thông tin quan trọng phải báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp và Công an cấp trên để xin ý kiến chỉ đạo.

**Câu hỏi 30. Công an xã có trách nhiệm như thế nào trong việc thẩm tra, xác minh, phân loại để có biện pháp xử lý thích hợp đối**

**với các tin tức, vụ việc về an ninh, trật tự, an toàn xã hội?**

***Trả lời:***

Theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 12/2010/TT-BCA đã sửa đổi, bổ sung, các tin tức, vụ việc về an ninh, trật tự, an toàn xã hội đều phải được Công an xã căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật tiến hành thẩm tra, xác minh, phân loại để có biện pháp xử lý thích hợp, cụ thể là:

- Trường hợp hành vi vi phạm chưa đến mức phải xử lý bằng biện pháp pháp luật thì phải nhắc nhở, giải thích, giáo dục người có hành vi vi phạm, giúp họ có ý thức chấp hành pháp luật, tôn trọng đạo đức xã hội và quy định của địa phương;

- Trường hợp hành vi vi phạm đến mức phải xử lý vi phạm hành chính, nếu hành vi vi phạm đó thuộc thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Trưởng Công an xã thì tiến hành xử phạt; trường hợp vượt quá thẩm quyền xử phạt của Trưởng Công an xã thì chuyển hồ sơ vi phạm lên cấp có thẩm quyền để xử phạt theo quy định; trường hợp người thực hiện hành vi vi phạm thuộc đối tượng bị áp dụng các biện pháp xử lý vi phạm hành chính khác thì lập hồ sơ chuyển lên cấp có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật;

- Trường hợp hành vi vi phạm có dấu hiệu tội phạm thì lập hồ sơ ban đầu, lấy lời khai người bị hại,



người biết việc, tổ chức cấp cứu nạn nhân, bảo vệ hiện trường (nếu có), thu giữ, bảo quản hiện vật, phương tiện vi phạm theo quy định của pháp luật và báo ngay cho cơ quan Công an cấp trên để có biện pháp xử lý kịp thời;

- Trường hợp tụ tập đông người, gây rối trật tự công cộng hoặc những vụ việc phức tạp về an ninh, trật tự, vượt quá thẩm quyền và khả năng giải quyết của Công an xã thì phải tham mưu cho Ủy ban nhân dân cùng cấp có biện pháp xử lý phù hợp, không để tình hình phức tạp thêm, đồng thời, phải báo ngay cho Công an cấp trên để có biện pháp xử lý thích hợp.

Các vụ việc, tin tức thu nhận được có liên quan đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội do Công an xã tiến hành đều phải lưu vào hồ sơ theo đúng quy định và hướng dẫn của Công an cấp trên. Những thông tin quan trọng phải báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp và Công an cấp trên để xin ý kiến chỉ đạo.

**Câu hỏi 31. Với trách nhiệm là lực lượng làm nòng cốt trong xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, Công an xã cần tổ chức và triển khai thực hiện tốt những nội dung, công việc nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 12/2010/TT-BCA đã sửa đổi, bổ sung, với trách

nhiệm là lực lượng làm nòng cốt trong xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, Công an xã có trách nhiệm tham mưu, đề xuất với cấp ủy Đảng, Ủy ban nhân dân cùng cấp về chủ trương, kế hoạch, nội dung, hình thức, biện pháp phát động, duy trì và đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; tuyên truyền, giáo dục, nâng cao ý thức, trách nhiệm bảo vệ an ninh Tổ quốc cho nhân dân; chăm lo xây dựng, củng cố và đẩy mạnh hoạt động của các tổ chức quần chúng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, giúp các tổ chức này hoạt động có hiệu quả và trở thành hạt nhân thúc đẩy phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trên địa bàn xã.

**Câu hỏi 32. Theo quy định của pháp luật hiện hành, Công an xã có trách nhiệm như thế nào trong công tác phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội; bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tính mạng, tài sản của cá nhân, cơ quan, tổ chức trên địa bàn xã?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 12/2010/TT-BCA đã sửa đổi, bổ sung, trong công tác phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội; bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tính mạng, tài sản

của cá nhân, cơ quan, tổ chức trên địa bàn xã, Công an xã có trách nhiệm chủ trì phối hợp với cơ quan, tổ chức và lực lượng khác trên địa bàn xã thực hiện tốt những nội dung cơ bản sau đây:

- Tham mưu, đề xuất với cấp ủy Đảng và Ủy ban nhân dân cùng cấp về nội dung, biện pháp phổ biến, giáo dục pháp luật; phát động phong trào toàn dân tham gia đấu tranh phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội và tổ chức thực hiện tốt các mặt công tác đó; kịp thời phát hiện, giải quyết và tham gia giải quyết tốt các mâu thuẫn mới nảy sinh trong quần chúng nhân dân, các hiện tượng tiêu cực dễ phát sinh tội phạm và vi phạm pháp luật khác; có kế hoạch xây dựng cơ sở quần chúng để nắm tình hình an ninh, trật tự; phát hiện, theo dõi những hiện tượng nghi vấn, những người có biểu hiện vi phạm pháp luật để có biện pháp đấu tranh, ngăn chặn kịp thời.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện tuần tra, kiểm soát, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về an ninh, trật tự, an toàn xã hội của cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn xã theo quy định của pháp luật; kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý các hành vi phạm tội, tệ nạn xã hội và các hành vi vi phạm pháp luật khác xảy ra trên địa bàn xã.

**Câu hỏi 33. Trách nhiệm của Công an xã trong việc tiếp nhận, phân loại tố giác, tin**

**báo về tội phạm được pháp luật quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Điều 27 Thông tư số 28/2014/TT-BCA ngày 07-7-2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về công tác điều tra hình sự trong Công an nhân dân Thông tư này đã được đính chính sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 4740/QĐ-BCA ngày 17-8-2014 (sau đây gọi là Thông tư số 28/2014/TT-BCA) quy định, Công an xã có trách nhiệm tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, Thông tư liên tịch số 06/2013/TTLT-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT-VKSNDTC ngày 02-8-2013 của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Viện kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố.

Khi tiếp nhận thông tin liên quan đến 'tội phạm (kể cả trường hợp tự phát hiện trong khi làm nhiệm vụ), Công an xã có trách nhiệm xác minh sơ bộ ban đầu để phân loại. Nếu xác định thông tin đó là tố giác, tin báo về tội phạm thì chuyển ngay tố giác, tin báo về tội phạm đó kèm theo các tài liệu có liên quan cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền để giải quyết; trường hợp xác định

thông tin đó không phải là tố giác, tin báo về tội phạm thì xử lý theo quy định khác của pháp luật.

**Câu hỏi 34. Trong trường hợp giải quyết tiếp nhận tố giác, tin báo về hành vi phạm tội đang diễn ra trên địa bàn, Công an xã cần tập trung thực hiện tốt những công việc gì?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại khoản 2 Điều 28 Thông tư số 28/2014/TT-BCA, trường hợp tiếp nhận tố giác, tin báo về hành vi phạm tội đang diễn ra trên địa bàn thì phải kịp thời tổ chức lực lượng đến ngay hiện trường, khi xét thấy cần ngăn chặn ngay người có hành vi phạm tội bỏ trốn, tiêu hủy chứng cứ hoặc tiếp tục thực hiện tội phạm thì giải ngay người đó về trụ sở cơ quan, vẽ sơ đồ hoặc bảo vệ hiện trường, lập biên bản, lấy lời khai, thu giữ, tạm giữ và bảo quản vật chứng có liên quan trực tiếp đến việc giải quyết; đồng thời, báo ngay cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện.

Trường hợp khi đến hiện trường, người phạm tội bỏ trốn thì tiến hành ngay việc truy xét, lấy lời khai, thu giữ, tạm giữ và bảo quản vật chứng, tài liệu có liên quan trực tiếp đến việc giải quyết; đồng thời, báo ngay cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện.

**Câu hỏi 35. Trong trường hợp người bị hại hoặc người thân thích của họ trực tiếp**

đến Công an cấp xã, đồn, trạm Công an để trình báo về việc mình hoặc người thân thích bị xâm hại thì Công an xã cần tiến hành những công việc gì để giải quyết?

**Trả lời:**

Theo quy định tại khoản 3 Điều 28 Thông tư số 28/2014/TT-BCA, trong trường hợp người bị hại hoặc người thân thích của họ trực tiếp đến Công an xã để trình báo về việc mình hoặc người thân thích bị xâm hại (xảy ra trên địa bàn Công an xã quản lý), Công an xã có trách nhiệm hướng dẫn họ làm đơn trình báo, lập biên bản tiếp nhận đơn trình báo, tiến hành ngay hoạt động kiểm tra, xác minh ban đầu, nếu xác định đó là tố giác về tội phạm thì chuyển ngay tố giác về tội phạm cùng các tài liệu có liên quan cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện để xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

**Câu hỏi 36.** Quản lý cư trú, giấy chứng minh nhân dân và các giấy tờ đi lại khác là một trong những nhiệm vụ, quyền hạn quan trọng, thường xuyên do lực lượng Công an xã tiến hành. Vậy, để thực hiện tốt nhiệm vụ, quyền hạn này, Công an xã cần tổ chức triển khai thực hiện những nội dung cơ bản nào?

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 12/2010/TT-BCA đã sửa đổi, bổ sung để thực hiện

tốt công tác quản lý cư trú, giấy chứng minh nhân dân và các giấy tờ đi lại khác, Công an xã cần tổ chức triển khai thực hiện những nội dung cơ bản sau đây:

- Tổ chức thực hiện công tác đăng ký, quản lý cư trú theo thẩm quyền; nắm tình hình hộ khẩu, nhân khẩu trên địa bàn xã; xây dựng kế hoạch kiểm tra cư trú; tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ giải quyết đăng ký tạm trú, thông báo lưu trú, khai báo tạm vắng của công dân; nắm chắc và thực hiện chế độ báo cáo lên Công an cấp trên về tình hình, số lượng nhân khẩu là người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đang thực tế cư trú trên địa bàn; tiếp nhận, giải quyết theo thẩm quyền các khiếu nại, tố cáo có liên quan đến đăng ký, quản lý cư trú.

- Nắm số người từ đủ 14 tuổi trở lên chưa được cấp giấy chứng minh nhân dân, các trường hợp hết hạn sử dụng hoặc mất giấy chứng minh nhân dân để lập danh sách, báo cáo đề xuất Trưởng Công an cấp huyện cấp, cấp lại giấy chứng minh nhân dân cho công dân; kiểm tra, xử lý theo thẩm quyền các trường hợp vi phạm quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng giấy chứng minh nhân dân trên địa bàn xã; thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo về công tác này theo thẩm quyền.

Cùng với đó, theo quy định tại Nghị định số 31/2014/NĐ-CP ngày 18-4-2014 của Chính phủ

quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật cư trú và Điều 25 Thông tư số 35/2014/TT-BCA ngày 9-9-2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật cư trú, trong công tác quản lý cư trú, Công an xã có trách nhiệm:

- Thực hiện các trách nhiệm được quy định tại Luật cư trú;

- Thực hiện việc đăng ký, quản lý cư trú trên địa bàn phụ trách theo quy định của Luật cư trú và quy định của Bộ Công an;

- Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về cư trú theo thẩm quyền;

- Tập hợp, báo cáo tình hình, số liệu cư trú về Công an quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh theo quy định;

- Tổ chức tuyên truyền pháp luật về cư trú;

- Quản lý, lưu trữ hồ sơ đăng ký và quản lý tạm trú theo quy định của Bộ Công an;

- Thực hiện các việc khác về quản lý cư trú theo quy định của Công an cấp trên.

**Câu hỏi 37. Theo quy định của pháp luật hiện hành, tại địa bàn các tỉnh, Công an xã có trách nhiệm như thế nào trong việc đăng ký thường trú?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 21 Luật cư trú năm 2006 sửa đổi, bổ sung năm 2013 (sau đây gọi là



Luật cư trú hiện hành), đối với địa bàn các tỉnh, Công an xã có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ đăng ký thường trú của người đăng ký thường trú. Hồ sơ đăng ký thường trú bao gồm:

- Phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu; bản khai nhân khẩu;

- Giấy chuyển hộ khẩu theo quy định tại Điều 28 Luật cư trú hiện hành;

- Giấy tờ và tài liệu chứng minh chỗ ở hợp pháp. Đối với trường hợp chuyển đến thành phố trực thuộc trung ương phải có thêm tài liệu chứng minh thuộc một trong các trường hợp đủ điều kiện đăng ký thường trú tại thành phố trực thuộc trung ương theo quy định tại Điều 20 Luật cư trú hiện hành.

Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Công an xã phải cấp sổ hộ khẩu cho người đã nộp hồ sơ đăng ký thường trú; trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**Câu hỏi 38. Theo quy định của pháp luật về cư trú, trong những trường hợp nào bị xóa đăng ký thường trú? Thẩm quyền của Công an xã trong việc xóa đăng ký thường trú được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Luật cư trú hiện hành, người thuộc một trong những trường hợp sau đây thì bị xóa đăng ký thường trú:

- Chết, bị Tòa án tuyên bố là mất tích hoặc đã chết;

- Được tuyển dụng vào Quân đội nhân dân, Công an nhân dân ở tập trung trong doanh trại;

- Đã có quyết định hủy đăng ký thường trú quy định tại Điều 37 Luật cư trú. Đó là trường hợp cơ quan, người có trách nhiệm thực hiện việc đăng ký thường trú không đúng thẩm quyền, không đúng đối tượng và điều kiện theo quy định của Luật cư trú hiện hành thì thủ trưởng cơ quan quản lý cư trú cấp trên trực tiếp có trách nhiệm hủy bỏ việc đăng ký đó;

- Ra nước ngoài để định cư;

- Đã đăng ký thường trú ở nơi cư trú mới; trong trường hợp này, cơ quan đã làm thủ tục đăng ký thường trú cho công dân ở nơi cư trú mới có trách nhiệm thông báo ngay cho cơ quan đã cấp giấy chuyển hộ khẩu để xóa đăng ký thường trú ở nơi cư trú cũ.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật cư trú hiện hành, cơ quan có thẩm quyền đăng ký thường trú thì cũng có thẩm quyền xóa đăng ký thường trú. Theo đó, đối với địa bàn các tỉnh, Công an xã có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ đăng ký thường trú của người đăng ký thường trú thì cũng có thẩm quyền xóa đăng ký thường trú nếu có đủ điều kiện nêu trên.

**Câu hỏi 39.** Công an xã có trách nhiệm như thế nào khi công dân thực hiện việc thay đổi nơi đăng ký thường trú trong trường hợp chuyển chỗ ở hợp pháp?

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 23 Luật cư trú hiện hành, người đã đăng ký thường trú mà thay đổi chỗ ở hợp pháp, khi chuyển đến chỗ ở hợp pháp mới nếu có đủ điều kiện đăng ký thường trú thì trong thời hạn mười hai tháng có trách nhiệm làm thủ tục thay đổi nơi đăng ký thường trú.

Công an xã căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật về cư trú có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi để công dân thực hiện việc thay đổi nơi đăng ký thường trú.

**Câu hỏi 40.** Theo quy định của pháp luật hiện hành, Công an xã có thẩm quyền cấp giấy chuyển hộ khẩu trong trường hợp nào? Hồ sơ cấp giấy chuyển hộ khẩu bao gồm những loại hồ sơ nào?

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 28 Luật cư trú hiện hành, công dân khi chuyển nơi thường trú thì được cấp giấy chuyển hộ khẩu.

Trưởng Công an xã có thẩm quyền cấp giấy chuyển hộ khẩu cho công dân trong trường hợp chuyển đi ngoài phạm vi xã của huyện thuộc tỉnh.

Hồ sơ cấp giấy chuyển hộ khẩu bao gồm sổ hộ khẩu và phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu. Trong thời hạn ba ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Công an xã phải cấp giấy chuyển hộ khẩu cho công dân.

**Câu hỏi 41. Trong những trường hợp nào công dân không phải cấp giấy chuyển hộ khẩu?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại khoản 6 Điều 28 Luật cư trú hiện hành, công dân thuộc một trong các trường hợp sau đây không phải cấp giấy chuyển hộ khẩu:

- Chuyển đi trong phạm vi xã, thị trấn của huyện thuộc tỉnh; chuyển đi trong cùng một huyện, quận, thị xã của thành phố trực thuộc trung ương; chuyển đi trong cùng một thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

- Học sinh, sinh viên, học viên học tại nhà trường và cơ sở giáo dục khác;

- Đi làm nghĩa vụ quân sự, phục vụ có thời hạn trong Công an nhân dân;

- Được tuyển dụng vào Quân đội nhân dân, Công an nhân dân ở tập trung trong doanh trại hoặc nhà ở tập thể;

- Chấp hành hình phạt tù; chấp hành quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh, cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc, quản chế.

**Câu hỏi 42. Thời hạn và trách nhiệm của Công an xã trong việc điều chỉnh, bổ sung các thay đổi trong sổ hộ khẩu? Trong quá trình xem xét, quyết định điều chỉnh những thay đổi trong sổ hộ khẩu, Công an xã cần chú ý những nội dung nào?**

***Trả lời:***

Theo quy định tại khoản 5 Điều 29 Luật cư trú hiện hành, trong thời hạn ba ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Công an xã căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Luật cư trú hiện hành phải điều chỉnh, bổ sung các thay đổi trong sổ hộ khẩu. Theo đó, trong quá trình xem xét, quyết định điều chỉnh những thay đổi trong sổ hộ khẩu, Công an xã cần chú ý những nội dung sau đây:

- Trường hợp có thay đổi chủ hộ thì hộ gia đình phải làm thủ tục thay đổi chủ hộ. Người đến làm thủ tục phải xuất trình sổ hộ khẩu; phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu; ý kiến của chủ hộ hoặc người khác trong gia đình về việc thay đổi chủ hộ;

- Trường hợp có thay đổi về họ, tên, chữ đệm, ngày, tháng, năm sinh hoặc các thay đổi khác về hộ tịch của người có tên trong sổ hộ khẩu thì chủ hộ hoặc người có thay đổi hoặc người được ủy quyền phải làm thủ tục điều chỉnh. Người đến làm thủ tục phải xuất trình sổ hộ khẩu, giấy khai sinh

hoặc quyết định được phép thay đổi của cơ quan có thẩm quyền về đăng ký hộ tịch; nộp phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu;

- Trường hợp có thay đổi địa giới hành chính, đơn vị hành chính, đường phố, số nhà thì cơ quan quản lý cư trú có thẩm quyền căn cứ vào quyết định thay đổi địa giới hành chính, đơn vị hành chính, đường phố, số nhà của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đính chính trong sổ hộ khẩu;

- Trường hợp chuyển đến chỗ ở hợp pháp mới trong phạm vi xã, thị trấn của huyện thuộc tỉnh; chuyển đi trong cùng một huyện, quận, thị xã của thành phố trực thuộc trung ương; chuyển đi trong cùng một thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì chủ hộ hoặc người trong hộ hoặc người được ủy quyền phải làm thủ tục điều chỉnh. Người đến làm thủ tục điều chỉnh phải nộp phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu; xuất trình sổ hộ khẩu; giấy tờ chứng minh chỗ ở hợp pháp mới;

- Trường hợp làm thủ tục điều chỉnh thay đổi trong sổ hộ khẩu thì người đến làm thủ tục phải là người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; đối với người chưa thành niên thì việc làm thủ tục phải thông qua người giám hộ hoặc đại diện hợp pháp theo quy định của pháp luật về dân sự.

**Câu hỏi 43. Đăng ký tạm trú là gì? Thời hạn và trách nhiệm của Công an xã trong việc cấp sổ tạm trú theo quy định của pháp**

**luật? Trong quá trình xem xét, quyết định cấp sổ tạm trú, Công an xã cần chú ý những nội dung nào?**

***Trả lời:***

Theo quy định tại Điều 30 Luật cư trú hiện hành, đăng ký tạm trú là việc công dân đăng ký nơi tạm trú của mình với cơ quan nhà nước có thẩm quyền và được cơ quan này làm thủ tục đăng ký tạm trú, cấp sổ tạm trú cho họ. Khoản 4 Điều 30 Luật cư trú hiện hành quy định, Trưởng Công an xã trong thời hạn ba ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ giấy tờ theo quy định phải cấp sổ tạm trú theo mẫu quy định của Bộ Công an. Trong quá trình xem xét, quyết định cấp sổ tạm trú, Công an xã cần chú ý những nội dung sau đây:

- Người đang sinh sống, làm việc, lao động, học tập tại một địa điểm thuộc xã nhưng không thuộc trường hợp được đăng ký thường trú tại địa phương đó thì trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày đến phải đăng ký tạm trú tại Công an xã.

- Người đến đăng ký tạm trú phải xuất trình giấy chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ có xác nhận của Công an xã, phường, thị trấn nơi người đó đã đăng ký thường trú; giấy tờ chứng minh quyền sở hữu hoặc sử dụng nhà ở đó; nộ phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu, bản khai nhân khẩu; trường hợp chỗ ở hợp pháp là nhà do thuê,

mượn hoặc ở nhờ của cá nhân thì phải được người cho thuê, cho mượn, cho ở nhờ đồng ý bằng văn bản.

- Sổ tạm trú được cấp cho hộ gia đình hoặc cá nhân đã đăng ký tạm trú, có giá trị xác định nơi tạm trú của công dân và có thời hạn tối đa là hai mươi bốn tháng. Trong thời hạn ba mươi ngày trước ngày hết thời hạn tạm trú, công dân đến cơ quan Công an nơi cấp sổ tạm trú để làm thủ tục gia hạn.

- Việc điều chỉnh thay đổi về sổ tạm trú được thực hiện theo quy định tại Điều 29 Luật cư trú hiện hành (điều chỉnh những thay đổi trong sổ hộ khẩu) như đã nêu ở trên. Sổ tạm trú bị hư hỏng thì được đổi, bị mất thì được cấp lại. Trường hợp đến tạm trú tại xã, phường, thị trấn khác thì phải đăng ký lại.

Theo quy định tại khoản 5 Điều 30 Luật cư trú hiện hành, trường hợp người đã đăng ký tạm trú nhưng không sinh sống, làm việc, lao động, học tập từ sáu tháng trở lên tại địa phương đã đăng ký tạm trú thì cơ quan đã cấp sổ tạm trú phải xóa tên người đó trong sổ đăng ký tạm trú. Theo đó, trường hợp người đã đăng ký tạm trú nhưng không sinh sống, làm việc, lao động, học tập từ sáu tháng trở lên tại địa bàn xã đã đăng ký tạm trú thì Công an xã đã cấp sổ tạm trú phải xóa tên người đó trong sổ đăng ký tạm trú.



**Câu hỏi 44. Thông báo việc lưu trú và trách nhiệm của Công an xã trong việc tiếp nhận thông báo lưu trú được pháp luật quy định như thế nào?**

***Trả lời:***

Theo quy định tại Điều 31 Luật cư trú hiện hành, lưu trú là việc công dân ở lại trong một thời gian nhất định tại địa điểm thuộc xã, phường, thị trấn ngoài nơi cư trú của mình mà không thuộc trường hợp phải đăng ký tạm trú.

Tại địa bàn xã, đại diện gia đình, nhà ở tập thể, cơ sở chữa bệnh, khách sạn, nhà nghỉ, cơ sở khác khi có người đến lưu trú có trách nhiệm thông báo việc lưu trú với Công an xã. Trường hợp người đến lưu trú tại nhà ở của gia đình, nhà ở tập thể mà chủ gia đình, nhà ở tập thể đó không đăng ký thường trú tại địa bàn xã đó thì người đến lưu trú có trách nhiệm thông báo việc lưu trú với Công an xã. Nơi tiếp nhận thông báo lưu trú là trụ sở Công an xã. Căn cứ vào điều kiện thực tế, các địa phương quyết định thêm địa điểm khác để tiếp nhận thông báo lưu trú.

Việc thông báo lưu trú được thực hiện trực tiếp hoặc bằng điện thoại hoặc qua mạng Internet, mạng máy tính. Công an xã có trách nhiệm thông báo địa điểm, địa chỉ mạng Internet, địa chỉ mạng máy tính, số điện thoại nơi tiếp nhận thông báo lưu trú cho nhân dân biết.

- Trường hợp tiếp nhận thông báo lưu trú qua điện thoại: Người làm công tác tiếp nhận thông báo lưu trú qua điện thoại phải hỏi và ghi rõ họ, tên, địa chỉ, số điện thoại của người thông báo lưu trú; hỏi và ghi đầy đủ, chính xác thông tin về người đến lưu trú vào sổ tiếp nhận lưu trú.

- Trường hợp tiếp nhận thông báo lưu trú qua mạng Internet, mạng máy tính: Người làm công tác tiếp nhận thông báo lưu trú qua mạng Internet, mạng máy tính phải kiểm tra và lưu lại đầy đủ các thông tin về người đến lưu trú như thông tin trong sổ tiếp nhận lưu trú.

Việc thông báo lưu trú được thực hiện trước 23 giờ, nếu người đến lưu trú sau 23 giờ thì thông báo lưu trú vào sáng ngày hôm sau; trường hợp ông, bà, cha, mẹ, vợ, chồng, con, cháu, anh, chị, em ruột đến lưu trú nhiều lần thì chỉ cần thông báo lưu trú một lần.

Việc thông báo lưu trú được ghi vào sổ tiếp nhận lưu trú.

**Câu hỏi 45.** Trong việc khai báo tạm vắng, Công an xã có trách nhiệm gì? Những nội dung nào cần chú ý trong quá trình thực hiện việc cấp khai báo tạm vắng?

**Trả lời:**

Theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật cư trú hiện hành, Công an xã có trách nhiệm hướng

dẫn nội dung khai báo, kiểm tra nội dung khai báo, ký xác nhận vào phần phiếu cấp cho người khai báo tạm vắng. Trong quá trình thực hiện việc cấp, Công an xã cần lưu ý về đối tượng, điều kiện khai báo tạm vắng và những giấy tờ kèm theo, cụ thể như sau:

- Bị can, bị cáo đang tại ngoại; người bị kết án phạt tù nhưng chưa có quyết định thi hành án hoặc được hoãn, tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù; người bị kết án phạt tù được hưởng án treo; người bị phạt cải tạo không giam giữ; người đang bị quản chế; người đang chấp hành biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn; người đang bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh, trường giáo dưỡng nhưng đang được hoãn chấp hành hoặc tạm đình chỉ thi hành khi đi khỏi nơi cư trú từ một ngày trở lên có trách nhiệm khai báo tạm vắng.

- Người trong độ tuổi làm nghĩa vụ quân sự, dự bị động viên đi khỏi huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh nơi mình cư trú từ ba tháng trở lên có trách nhiệm khai báo tạm vắng.

- Các đối tượng nêu trên phải khai báo tạm vắng tại Công an xã nơi người đó cư trú. Khi đến khai báo tạm vắng phải xuất trình giấy chứng minh nhân dân và ghi vào phiếu khai báo tạm vắng.

- Về thời hạn giải quyết, theo quy định tại khoản 4 Điều 22 Thông tư số 35/2014/TT-BCA

ngày 09-9-2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật cư trú và Nghị định số 31/2014/NĐ-CP ngày 18-4-2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật cư trú, trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của công dân, Công an xã nơi công dân cư trú phải cấp phiếu khai báo tạm vắng cho công dân (trừ trường hợp đặc biệt thì được phép kéo dài thời gian giải quyết nhưng tối đa không quá 02 ngày làm việc).

**Câu hỏi 46. Theo quy định của pháp luật hiện hành, người làm công tác đăng ký, quản lý cư trú cần bảo đảm những điều kiện gì để thực hiện tốt nhiệm vụ, quyền hạn của mình?**

***Trả lời:***

Theo quy định tại Điều 36 Luật cư trú hiện hành, người làm công tác đăng ký, quản lý cư trú phải được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với nhiệm vụ được giao.

Người làm công tác đăng ký, quản lý cư trú trong khi thực hiện nhiệm vụ phải có thái độ, lời nói, cử chỉ nghiêm túc, khiêm tốn, hòa nhã; tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, tài liệu có liên quan, viết biên nhận, hẹn ngày trả kết quả và giải quyết đúng thời hạn theo quy định của Luật cư trú hiện hành và các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành cũng như các văn bản quy phạm pháp luật

khác có liên quan. Trường hợp hồ sơ còn thiếu hoặc chưa đúng theo quy định thì có trách nhiệm hướng dẫn cụ thể, đầy đủ bằng văn bản và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc hướng dẫn đó.

**Câu hỏi 47. Trình tự giải quyết đăng ký thường trú đối với Công an viên được giao làm nhiệm vụ đăng ký thường trú được pháp luật quy định như thế nào?**

***Trả lời:***

Theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư số 61/2014/TT-BCA ngày 20-11-2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về quy trình đăng ký cư trú (sau đây gọi là Thông tư số 61/2014/TT-BCA), trình tự giải quyết đăng ký thường trú đối với Công an viên được giao làm nhiệm vụ đăng ký thường trú được thực hiện như sau:

Trong thời hạn 12 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ phải nghiên cứu hồ sơ, đối chiếu với quy định của pháp luật về cư trú và thực hiện theo quy định sau đây:

1. Trường hợp hồ sơ không phải xác minh:

- Đối chiếu và ghi vào bản sao không được cấp từ sổ gốc, không có công chứng, chứng thực (bản chụp, bản in, bản đánh máy, bản đánh máy vi tính hoặc bản viết tay) các giấy tờ, tài liệu là đã đối chiếu đúng với bản chính và ký, ghi rõ họ, tên, thời gian đối chiếu;

- Viết sổ hộ khẩu, phiếu thông tin thay đổi về hộ khẩu, nhân khẩu và ký vào mục “cán bộ đăng ký” trong sổ hộ khẩu, mục “cán bộ lập phiếu” trong phiếu thông tin thay đổi về hộ khẩu, nhân khẩu;

- Đề xuất bằng văn bản, ghi rõ các thông tin: Ngày, tháng, năm nhận hồ sơ, các tài liệu có trong hồ sơ, nội dung yêu cầu giải quyết, ý kiến đề xuất, ký, ghi rõ họ, tên và trình hồ sơ lên Trưởng Công an xã.

2. Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện, thủ tục nhưng cần phải làm rõ một số nội dung thì Công an viên làm nhiệm vụ đăng ký thường trú phải lập phiếu xác minh hộ khẩu, nhân khẩu và báo cáo Trưởng Công an xã duyệt, ký. Khi nhận được trả lời xác minh thì Công an viên được giao làm nhiệm vụ đăng ký thường trú phải xem xét, thực hiện ngay theo quy định sau đây:

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì thực hiện theo quy định đối với trường hợp hồ sơ không phải xác minh như đã nêu ở trên;

- Trường hợp không đủ điều kiện đăng ký thường trú thì báo cáo, đề xuất Trưởng Công an xã có văn bản trả lời công dân.

3. Trường hợp hồ sơ có vướng mắc thì báo cáo, đề xuất Trưởng Công an xã xem xét, quyết định. Sau khi có ý kiến của Trưởng Công an xã thì thực hiện theo quy định sau đây:

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì thực hiện theo quy định đối với trường hợp hồ sơ không phải xác minh như đã nêu ở trên;

- Trường hợp hồ sơ phải xác minh thì Công an viên được giao làm nhiệm vụ đăng ký thường trú phải lập phiếu xác minh hộ khẩu, nhân khẩu và báo cáo Trưởng Công an xã duyệt, ký. Khi nhận được trả lời xác minh thì Công an viên được giao làm nhiệm vụ đăng ký thường trú phải xem xét, thực hiện ngay theo quy định sau đây:

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì thực hiện theo quy định đối với trường hợp hồ sơ không phải xác minh như đã nêu ở trên;

+ Trường hợp không đủ điều kiện đăng ký thường trú thì báo cáo, đề xuất Trưởng Công an xã có văn bản trả lời công dân.

- Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện nhưng thiếu thủ tục hoặc kê khai các biểu mẫu, giấy tờ chưa đúng, chưa đầy đủ thì thông báo cho công dân bổ sung, kê khai lại;

- Trường hợp không đủ điều kiện đăng ký thường trú theo quy định của pháp luật thì trình Trưởng Công an xã duyệt, ký văn bản trả lời công dân.

**Câu hỏi 48. Trình tự giải quyết đăng ký thường trú đối với Trưởng Công an xã được pháp luật quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Thông tư số 61/2014/TT-BCA, trình tự giải quyết đăng ký thường trú đối với Trưởng Công an xã được thực hiện như sau:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ và đề xuất của Công an viên được giao nhiệm vụ đăng ký thường trú, Trưởng Công an xã phải xem xét và thực hiện theo quy định sau đây:

1. Trường hợp hồ sơ không phải xác minh:

- Duyệt, ghi rõ ý kiến của mình (đồng ý hay không đồng ý giải quyết) vào văn bản đề xuất của Công an viên được giao làm nhiệm vụ đăng ký thường trú;

- Ký sổ hộ khẩu, phiếu thông tin thay đổi về hộ khẩu, nhân khẩu và trả hồ sơ cho Công an viên được giao làm nhiệm vụ đăng ký thường trú;

2. Trường hợp hồ sơ phải xác minh thì duyệt, ký phiếu xác minh hộ khẩu, nhân khẩu hoặc cử cán bộ xác minh.

3. Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện nhưng thiếu thủ tục hoặc kê khai các biểu mẫu, giấy tờ chưa đúng, chưa đầy đủ thì ghi rõ vào văn bản đề xuất của Công an viên được giao làm nhiệm vụ đăng ký thường trú những thủ tục, nội dung cần bổ sung, kê khai lại để thông báo cho công dân.

4. Trường hợp hồ sơ có vướng mắc thì cho ý kiến giải quyết.

5. Trường hợp không đủ điều kiện đăng ký thường trú thì duyệt, ký văn bản trả lời công dân và giao lại hồ sơ cho Công an viên được giao làm nhiệm vụ đăng ký thường trú để trả công dân.



**Câu hỏi 49. Trình tự giải quyết xóa đăng ký thường trú đối với Công an viên được giao làm nhiệm vụ đăng ký được pháp luật quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Thông tư số 61/2014/TT-BCA, trình tự giải quyết xóa đăng ký thường trú đối với Công an viên được giao làm nhiệm vụ đăng ký được thực hiện như sau:

1. Xóa đăng ký thường trú đối với trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, d khoản 1 Điều 22 Luật cư trú hiện hành (*chết, bị Tòa án tuyên bố là mất tích hoặc đã chết; được tuyển dụng vào Quân đội nhân dân, Công an nhân dân ở tập trung trong doanh trại; đã có quyết định hủy đăng ký thường trú quy định tại Điều 37 Luật cư trú, đó là trường hợp cơ quan, người có trách nhiệm thực hiện việc đăng ký thường trú không đúng thẩm quyền, không đúng đối tượng và điều kiện theo quy định của Luật cư trú thì thủ trưởng cơ quan quản lý cư trú cấp trên trực tiếp có trách nhiệm hủy bỏ việc đăng ký đó; ra nước ngoài để định cư*), trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Công an viên được giao làm nhiệm vụ đăng ký thường trú phải nghiên cứu hồ sơ, đối chiếu với quy định của pháp luật về cư trú và thực hiện theo quy định sau đây:

- Viết mục “Lý do xóa đăng ký thường trú” trong sổ hộ khẩu (trường hợp không chuyển cả hộ) và viết phiếu thông tin thay đổi về hộ khẩu, nhân khẩu;

- Đề xuất bằng văn bản, ghi rõ các thông tin: Ngày, tháng, năm nhận hồ sơ, các tài liệu có trong hồ sơ, nội dung yêu cầu giải quyết, ý kiến đề xuất, ký, ghi rõ họ, tên và trình hồ sơ lên Trưởng Công an xã.

2. Xóa đăng ký thường trú đối với trường hợp đã đăng ký thường trú ở nơi cư trú mới; trong trường hợp này, cơ quan đã làm thủ tục đăng ký thường trú cho công dân ở nơi cư trú mới có trách nhiệm thông báo ngay cho cơ quan đã cấp giấy chuyển hộ khẩu để xóa đăng ký thường trú ở nơi cư trú cũ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 22 Luật cư trú hiện hành.

- Trường hợp chuyển cả hộ: Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo đã đăng ký thường trú của cơ quan đăng ký cư trú nơi công dân chuyển đến phải báo cáo, đề xuất Trưởng Công an xã bằng văn bản, ghi rõ ngày, tháng, năm nhận được thông báo đã đăng ký thường trú, ý kiến đề xuất, ký, ghi rõ họ, tên và chuyển toàn bộ hồ sơ lên Trưởng Công an xã;

- Trường hợp không chuyển cả hộ: Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo đã đăng ký thường trú của cơ quan đăng ký cư

trú nơi công dân chuyển đến phải thông báo cho người thuộc diện xóa đăng ký thường trú hoặc đại diện hộ gia đình mang sổ hộ khẩu đến làm thủ tục xóa đăng ký thường trú;

- Trường hợp công dân không đến làm thủ tục xóa đăng ký thường trú. Sau thời hạn 30 ngày, kể từ ngày Công an xã lập biên bản, yêu cầu hộ gia đình có người thuộc diện xóa đăng ký thường trú đến làm thủ tục xóa đăng ký thường trú thì Công an viên được giao làm nhiệm vụ đăng ký phải báo cáo, đề xuất Trưởng Công an xã bằng văn bản, kèm theo hồ sơ, ý kiến đề xuất, ký, ghi rõ họ, tên và chuyển toàn bộ hồ sơ đến Trưởng Công an xã.

**Câu hỏi 50. Trình tự giải quyết xóa đăng ký thường trú đối với Trưởng Công an xã được pháp luật quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Thông tư số 61/2014/TT-BCA, trình tự giải quyết xóa đăng ký thường trú đối với Trưởng Công an xã được thực hiện như sau: Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ và đề xuất của Công an viên được giao làm nhiệm vụ đăng ký thường trú, Trưởng Công an xã phải duyệt hồ sơ xóa đăng ký thường trú, ký sổ hộ khẩu, phiếu thông tin thay đổi về hộ khẩu, nhân khẩu và giao lại hồ sơ cho Công an viên được giao làm nhiệm vụ đăng ký thường trú.

**Câu hỏi 51.** Trong quá trình giải quyết tách sổ hộ khẩu, Công an viên được giao làm nhiệm vụ đăng ký cần chú ý thực hiện những trình tự như thế nào theo quy định của pháp luật?

**Trả lời:**

Theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Thông tư số 61/2014/TT-BCA, trình tự giải quyết tách sổ hộ khẩu đối với Công an viên được giao làm nhiệm vụ đăng ký được thực hiện như sau:

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ, Công an viên được giao làm nhiệm vụ đăng ký phải nghiên cứu hồ sơ, đối chiếu với quy định của pháp luật về cư trú và thực hiện theo quy định sau đây:

1. Trường hợp hồ sơ không phải xác minh:

- Viết sổ hộ khẩu, phiếu thông tin thay đổi về hộ khẩu, nhân khẩu và ký vào mục “cán bộ đăng ký” trong sổ hộ khẩu, mục “cán bộ lập phiếu” trong phiếu thông tin thay đổi về hộ khẩu, nhân khẩu;

- Đề xuất bằng văn bản, ghi rõ các thông tin: Ngày, tháng, năm nhận hồ sơ, các tài liệu có trong hồ sơ, nội dung yêu cầu giải quyết, ý kiến đề xuất, ký, ghi rõ họ, tên và trình hồ sơ lên Trưởng Công an xã.

2. Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện, thủ tục nhưng cần phải làm rõ một số nội dung thì Công an viên được giao làm nhiệm vụ đăng ký phải lập

phiếu xác minh hộ khẩu, nhân khẩu và báo cáo Trưởng Công an xã duyệt, ký. Khi nhận được trả lời xác minh thì Công an viên được giao làm nhiệm vụ đăng ký phải xem xét, thực hiện ngay theo quy định như sau:

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì thực hiện theo quy định đối với trường hợp hồ sơ không phải xác minh như đã nêu ở trên;

- Trường hợp không đủ điều kiện tách sổ hộ khẩu thì báo cáo, trình Trưởng Công an duyệt, ký văn bản trả lời công dân.

**Câu hỏi 52. Trình tự giải quyết tách sổ hộ khẩu đối với Trưởng Công an xã được pháp luật quy định như thế nào?**

***Trả lời:***

Theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Thông tư số 61/2014/TT-BCA, trình tự giải quyết tách sổ hộ khẩu đối với Trưởng Công an xã được thực hiện như sau:

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ và đề xuất của Công an viên được giao làm nhiệm vụ đăng ký, Trưởng Công an xã phải xem xét hồ sơ và thực hiện theo quy định sau đây:

1. Trường hợp hồ sơ không phải xác minh:

- Duyệt, ghi rõ ý kiến của mình (đồng ý hay không đồng ý giải quyết) vào văn bản đề xuất của Công an viên được giao làm nhiệm vụ đăng ký;

- Ký sổ hộ khẩu, phiếu thông tin thay đổi về hộ khẩu, nhân khẩu và trả hồ sơ cho Công an viên được giao làm nhiệm vụ đăng ký.

2. Trường hợp hồ sơ phải xác minh thì duyệt, ký phiếu xác minh hộ khẩu, nhân khẩu hoặc cử cán bộ xác minh.

3. Trường hợp không đủ điều kiện tách sổ hộ khẩu thì duyệt, ký văn bản trả lời công dân và giao lại hồ sơ cho Công an viên được giao làm nhiệm vụ đăng ký để trả cho công dân.

**Câu hỏi 53. Trong quá trình giải quyết cấp giấy chuyển hộ khẩu, Công an viên được giao làm nhiệm vụ đăng ký cần chú ý thực hiện những trình tự như thế nào theo quy định của pháp luật?**

***Trả lời:***

Theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Thông tư số 61/2014/TT-BCA, trong quá trình giải quyết cấp giấy chuyển hộ khẩu, Công an viên được giao làm nhiệm vụ đăng ký cần chú ý thực hiện những trình tự sau:

Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Công an viên được giao làm nhiệm vụ đăng ký phải nghiên cứu hồ sơ, đối chiếu với các quy định của pháp luật và thực hiện theo quy định sau đây:

1. Trường hợp hồ sơ không phải xác minh:

- Viết giấy chuyển hộ khẩu và ghi vào mục “Điều chỉnh thay đổi” trong sổ hộ khẩu, phiếu thông tin thay đổi về hộ khẩu, nhân khẩu;

- Đề xuất bằng văn bản, ghi rõ các thông tin: Ngày, tháng, năm nhận hồ sơ, các tài liệu có trong hồ sơ, nội dung yêu cầu giải quyết, ý kiến đề xuất, ký, ghi rõ họ, tên và chuyển toàn bộ hồ sơ đến Trưởng Công an xã.

2. Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện, thủ tục nhưng cần phải làm rõ một số nội dung thì Công an viên được giao làm nhiệm vụ đăng ký phải lập phiếu xác minh hộ khẩu, nhân khẩu và báo cáo, đề xuất Trưởng Công an xã duyệt, ký. Khi nhận được trả lời xác minh thì Công an viên được giao làm nhiệm vụ đăng ký phải thực hiện theo quy định sau đây:

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ thực hiện như đối với trường hợp hồ sơ không phải xác minh;

- Trường hợp không đủ điều kiện cấp giấy chuyển hộ khẩu thì Công an viên được giao làm nhiệm vụ đăng ký trình Trưởng Công an xã duyệt, ký văn bản trả lời công dân.

**Câu hỏi 54. Trình tự giải quyết cấp giấy chuyển hộ khẩu đối với Trưởng Công an xã được pháp luật quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Thông tư số 61/2014/TT-BCA, trong quá trình giải quyết

cấp giấy chuyển hộ khẩu, Trưởng Công an xã thực hiện những trình tự sau:

Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ và đề xuất của Công an viên được giao làm nhiệm vụ đăng ký, Trưởng Công an xã phải xem xét hồ sơ và thực hiện theo quy định sau đây:

1. Trường hợp hồ sơ không phải xác minh:

- Duyệt, ghi rõ ý kiến của mình (đồng ý hay không đồng ý giải quyết) vào văn bản đề xuất của Công an viên được giao làm nhiệm vụ đăng ký;

- Ký giấy chuyển hộ khẩu, sổ hộ khẩu, phiếu thông tin thay đổi về hộ khẩu, nhân khẩu và trả hồ sơ cho Công an viên được giao làm nhiệm vụ đăng ký;

2. Trường hợp hồ sơ phải xác minh thì duyệt, ký phiếu xác minh hộ khẩu, nhân khẩu hoặc cử cán bộ xác minh.

3. Trường hợp không đủ điều kiện cấp giấy chuyển hộ khẩu thì duyệt, ký văn bản trả lời công dân và giao lại hồ sơ cho Công an viên được giao làm nhiệm vụ đăng ký để trả công dân.

**Câu hỏi 55.** Trong quá trình giải quyết đổi, cấp lại hoặc điều chỉnh những thay đổi trong sổ hộ khẩu, Công an viên được giao làm nhiệm vụ đăng ký cần chú ý thực hiện



**những trình tự như thế nào theo quy định của pháp luật?**

***Trả lời:***

Theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Thông tư số 61/2014/TT-BCA, trong quá trình giải quyết đổi, cấp lại hoặc điều chỉnh những thay đổi trong sổ hộ khẩu, Công an viên được giao làm nhiệm vụ đăng ký cần chú ý thực hiện những trình tự sau:

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Công an viên được giao làm nhiệm vụ đăng ký phải nghiên cứu, đối chiếu với quy định của pháp luật về cư trú và thực hiện theo quy định sau đây:

1. Trường hợp hồ sơ không phải xác minh:

- Viết vào sổ hộ khẩu và ký vào mục “Cán bộ đăng ký” trong sổ hộ khẩu (trường hợp đổi, cấp lại sổ hộ khẩu) hoặc viết và ký vào mục “Điều chỉnh thay đổi” trong sổ hộ khẩu, mục “Cán bộ lập phiếu” trong phiếu thông tin thay đổi về hộ khẩu, nhân khẩu;

- Đề xuất Trưởng Công an xã duyệt hồ sơ đổi, cấp lại hoặc điều chỉnh những thay đổi trong sổ hộ khẩu bằng văn bản và ghi rõ các thông tin: Ngày, tháng, năm nhận hồ sơ, các tài liệu có trong hồ sơ, nội dung yêu cầu giải quyết, ý kiến đề xuất, ký, ghi rõ họ, tên.

2. Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện thủ tục nhưng cần phải làm rõ một số nội dung thì Công an viên

được giao làm nhiệm vụ đăng ký phải lập phiếu xác minh hộ khẩu, nhân khẩu và báo cáo Trưởng Công an xã duyệt, ký. Khi nhận được trả lời xác minh thì Công an viên được giao làm nhiệm vụ đăng ký phải xem xét, thực hiện ngay theo quy định sau đây:

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ được thực hiện như đối với trường hợp hồ sơ không phải xác minh đã nêu ở trên;

- Trường hợp không đủ điều kiện đổi, cấp lại hoặc điều chỉnh những thay đổi trong sổ hộ khẩu thì dự thảo văn bản trả lời công dân và trình Trưởng Công an xã duyệt, ký.

**Câu hỏi 56. Trình tự giải quyết đổi, cấp lại hoặc điều chỉnh những thay đổi trong sổ hộ khẩu đối với Trưởng Công an xã được pháp luật quy định như thế nào?**

***Trả lời:***

Theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Thông tư số 61/2014/TT-BCA, trong quá trình giải quyết đổi, cấp lại hoặc điều chỉnh những thay đổi trong sổ hộ khẩu, Trưởng Công an xã thực hiện theo những trình tự sau:

Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ và đề xuất của Công an viên được giao làm nhiệm vụ đăng ký, Trưởng Công an xã phải xem xét hồ sơ và thực hiện theo quy định sau đây:

1. Trường hợp hồ sơ không phải xác minh:

- Duyệt, ghi rõ ý kiến của mình (đồng ý hay không đồng ý giải quyết) vào văn bản đề xuất của Công an viên được giao làm nhiệm vụ đăng ký;

- Ký sổ hộ khẩu, phiếu thông tin thay đổi về hộ khẩu, nhân khẩu và trả hồ sơ cho Công an viên được giao làm nhiệm vụ đăng ký.

2. Trường hợp hồ sơ phải xác minh thì duyệt, ký phiếu xác minh hộ khẩu, nhân khẩu hoặc cử cán bộ xác minh.

3. Trường hợp không đủ điều kiện đổi, cấp lại hoặc điều chỉnh những thay đổi trong sổ hộ khẩu thì duyệt, ký văn bản trả lời công dân và giao lại hồ sơ cho Công an viên được giao làm nhiệm vụ đăng ký để trả cho công dân.

**Câu hỏi 57. Trong quá trình giải quyết đăng ký tạm trú, đổi, cấp lại, gia hạn tạm trú hoặc điều chỉnh những thay đổi trong sổ tạm trú, Công an viên được giao làm nhiệm vụ đăng ký cần chú ý thực hiện những trình tự như thế nào theo quy định của pháp luật?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Thông tư số 61/2014/TT-BCA, trong quá trình giải quyết đăng ký tạm trú, đổi, cấp lại, gia hạn tạm trú hoặc điều chỉnh những thay đổi trong sổ tạm trú, Công an viên được giao làm nhiệm vụ đăng ký cần chú ý thực hiện những trình tự sau:

1. Trường hợp đăng ký tạm trú, điều chỉnh những thay đổi trong sổ tạm trú trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Công an viên được giao làm nhiệm vụ đăng ký phải đề xuất bằng văn bản và chuyển toàn bộ hồ sơ lên Trưởng Công an xã xem xét, quyết định.

2. Trường hợp cấp đổi, cấp lại sổ tạm trú, gia hạn tạm trú thì trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Công an viên được giao làm nhiệm vụ đăng ký phải đề xuất bằng văn bản và chuyển toàn bộ hồ sơ lên Trưởng Công an xã xem xét, quyết định.

3. Trường hợp thay đổi nơi tạm trú ngoài phạm vi xã thì Công an viên được giao làm nhiệm vụ đăng ký yêu cầu công dân xuất trình sổ tạm trú tại nơi tạm trú trước đây (nếu có) để ghi thời gian đã tạm trú liên tục tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

**Câu hỏi 58.** Trình tự giải quyết đăng ký tạm trú, đổi, cấp lại, gia hạn tạm trú hoặc điều chỉnh những thay đổi trong sổ tạm trú đối với Trưởng Công an xã được pháp luật quy định như thế nào?

**Trả lời:**

Theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Thông tư số 61/2014/TT-BCA, trong quá trình giải quyết đăng ký tạm trú, đổi, cấp lại, gia hạn tạm trú hoặc

điều chỉnh những thay đổi trong sổ tạm trú, Trưởng Công an xã thực hiện theo những trình tự sau:

1. Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ và đề xuất của Công an viên được giao làm nhiệm vụ đăng ký thì Trưởng Công an xã phải duyệt hồ sơ đăng ký tạm trú, cấp đổi, cấp lại, gia hạn tạm trú hoặc điều chỉnh những thay đổi trong sổ tạm trú, ghi rõ thời gian, nội dung (đồng ý hay không đồng ý giải quyết) vào văn bản đề xuất của Công an viên được giao làm nhiệm vụ đăng ký, ký sổ tạm trú.

2. Trường hợp không đủ điều kiện đăng ký tạm trú, cấp đổi, cấp lại, gia hạn tạm trú hoặc điều chỉnh những thay đổi trong sổ tạm trú thì Trưởng Công an xã phải trả lời công dân bằng văn bản.

**Câu hỏi 59. Hồ sơ đăng ký tạm trú, đổi, cấp lại, gia hạn tạm trú hoặc điều chỉnh những thay đổi trong sổ tạm trú được lưu trữ, bảo quản ở đâu và được sắp xếp theo thứ tự như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 20 Thông tư số 61/2014/TT-BCA, hồ sơ đăng ký tạm trú, đổi, cấp lại, gia hạn tạm trú hoặc điều chỉnh những thay đổi trong sổ tạm trú được lưu trữ, bảo quản tại Công an xã, phường, thị trấn và sắp xếp theo thứ tự sau đây:

1. Văn bản đề xuất giải quyết hồ sơ.
2. Phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu.
3. Bản khai nhân khẩu (nếu có).
4. Giấy tờ chứng minh chỗ ở hợp pháp (nếu có).
5. Phiếu xác minh hộ khẩu, nhân khẩu (nếu có).
6. Sổ tạm trú (nếu có).
7. Giấy tờ, tài liệu khác (nếu có).

**Câu hỏi 60. Theo quy định của pháp luật hiện hành, Công an xã có trách nhiệm như thế nào trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ?**

***Trả lời:***

Theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư số 12/2010/TT-BCA đã sửa đổi, bổ sung, trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, Công an xã có trách nhiệm nắm tình hình số lượng, địa điểm cơ quan, tổ chức được trang bị vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao, công cụ hỗ trợ, những đơn vị kinh doanh, sản xuất vật liệu nổ; tình hình vũ khí trang bị cho lực lượng dân quân tự vệ; danh sách người có súng sẵn; lập kế hoạch kiểm tra, hướng dẫn tổ chức, cá nhân được phép sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ; kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý trường hợp mua bán, vận chuyển, tàng trữ, sử dụng trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí,

vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và những trường hợp vi phạm quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ; thực hiện chế độ thống kê, báo cáo theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Công an cấp trên.

**Câu hỏi 61. Trong công tác phòng cháy và chữa cháy và bảo vệ môi trường, Công an xã có trách nhiệm như thế nào?**

***Trả lời:***

Theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư số 12/2010/TT-BCA đã sửa đổi, bổ sung, trong công tác phòng cháy và chữa cháy và bảo vệ môi trường, Công an xã có trách nhiệm thực hiện các quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy, về bảo vệ môi trường; phối hợp với các cơ quan, tổ chức tiến hành kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn tổ chức và cá nhân trên địa bàn xã chấp hành quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy, về bảo vệ môi trường; đề xuất Ủy ban nhân dân cùng cấp tổ chức xây dựng lực lượng quần chúng làm công tác phòng cháy và chữa cháy tại chỗ; có kế hoạch, phương án chủ động đối phó kịp thời khi cháy, nổ xảy ra.

**Câu hỏi 62. Theo quy định của pháp luật hiện hành, Công an xã có trách nhiệm như thế nào trong công tác quản lý nhà nước về**

**an ninh, trật tự đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự trên địa bàn xã?**

***Trả lời:***

Theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Thông tư số 12/2010/TT-BCA đã sửa đổi, bổ sung, trong công tác quản lý nhà nước về an ninh, trật tự đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự trên địa bàn xã, Công an xã có trách nhiệm nắm tình hình, số lượng các cơ sở kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự trên địa bàn xã, lập danh sách, thông kê số lượng cơ sở và người làm việc tại các cơ sở kinh doanh đó; tiếp nhận hồ sơ cam kết thực hiện các điều kiện về an ninh, trật tự; thực hiện quy định của pháp luật trong quản lý về an ninh, trật tự đối với các cơ sở cho thuê lưu trú theo thẩm quyền; phối hợp với Công an cấp trên kiểm tra, hướng dẫn các cơ sở kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự, kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý theo thẩm quyền các hành vi vi phạm pháp luật về an ninh, trật tự của các cơ sở kinh doanh đó; thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo Công an cấp trên về công tác quản lý ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trên địa bàn xã.

**Câu hỏi 63. Những công việc nào cần tiến hành sau khi lực lượng Công an xã bắt người**



**phạm tội quả tang, người có quyết định truy nã, truy tìm hoặc tiếp nhận người phạm tội tự thú, đầu thú?**

***Trả lời:***

Theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 12/2010/TT-BCA đã sửa đổi, bổ sung, Công an xã có trách nhiệm tổ chức thực hiện bắt người phạm tội quả tang, người có quyết định truy nã, truy tìm đang lẩn trốn trên địa bàn xã. Trường hợp gặp khó khăn, vượt quá khả năng của Công an xã thì phải báo cáo ngay lên Công an cấp trên trực tiếp để có sự chỉ đạo, hỗ trợ kịp thời.

Sau khi bắt người phạm tội quả tang, người có quyết định truy nã, truy tìm hoặc tiếp nhận người phạm tội tự thú, đầu thú, phải lập biên bản theo quy định và dẫn giải ngay đối tượng lên Công an cấp trên; trường hợp ban đêm hoặc đường xa, không thể dẫn giải ngay lên Công an cấp trên được thì phải tổ chức quản lý chặt chẽ người bị bắt tại trụ sở Công an xã hoặc trụ sở Ủy ban nhân dân xã và phải bố trí người canh gác, không để người bị bắt bỏ trốn hoặc tự sát. Việc quản lý đối tượng nêu trên phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật; trường hợp người bị bắt là đối tượng nguy hiểm thì được khóa tay, tước vũ khí, hung khí của đối tượng, đồng thời phải bằng mọi cách báo ngay với cơ quan Công an cấp trên để xin ý kiến chỉ đạo kịp thời.

Để hướng dẫn chi tiết quy định nêu trên trong một số trường hợp cụ thể, Điều 28 Thông tư số 28/2014/TT-BCA quy định về công tác điều tra hình sự trong Công an nhân dân đã quy định trách nhiệm của Công an xã trong trường hợp bắt người phạm tội quả tang, người có quyết định truy nã, truy tìm hoặc tiếp nhận người phạm tội tự thú, đầu thú do nhân dân bắt, giải đến, trong đó cần lưu ý những nội dung trọng tâm sau:

- Trường hợp tiếp nhận người phạm tội quả tang do nhân dân giải đến thì tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, cử người vẽ sơ đồ hoặc bảo vệ hiện trường, lấy lời khai, thu giữ, tạm giữ và bảo quản vật chứng, tài liệu có liên quan trực tiếp đến việc giải quyết; đồng thời, báo ngay cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện.

- Trường hợp tiếp nhận người đang bị truy nã do nhân dân bắt, giải đến thì tiến hành lập biên bản bắt người đang bị truy nã, lấy lời khai; đồng thời, báo ngay cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện.

- Trường hợp tiếp nhận đôi tượng phạm tội do nhân dân giải đến, không thuộc trường hợp bắt người phạm tội quả tang, người đang bị truy nã thì tiến hành lập biên bản vụ việc, cử người vẽ sơ đồ hoặc bảo vệ hiện trường, lấy lời khai, thu giữ, tạm giữ và bảo quản vật chứng, tài liệu có liên quan trực tiếp đến việc giải quyết; đồng

thời, báo ngay cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện.

**Câu hỏi 64. Những vấn đề nào cần lưu ý đối với Công an xã trong việc thực hiện thẩm quyền huy động người, phương tiện trong trường hợp cấp thiết theo quy định của pháp luật?**

**Trả lời:**

Theo quy định của Pháp lệnh Công an xã năm 2008 và Điều 10 Thông tư số 12/2010/TT-BCA đã sửa đổi, bổ sung, Công an xã có thẩm quyền huy động người, phương tiện trong trường hợp cấp thiết theo quy định của pháp luật. Khi thực hiện thẩm quyền này, Công an xã cần lưu ý một số nội dung sau đây:

- Trong trường hợp cấp thiết, để cấp cứu người bị nạn, cứu hộ, cứu nạn, đuổi bắt người phạm tội quả tang, người có quyết định truy nã, truy tìm thì Trưởng Công an xã hoặc Phó trưởng Công an xã được Trưởng Công an xã ủy quyền được huy động người, phương tiện của tổ chức, cá nhân để thực hiện nhiệm vụ và phải trả lại ngay phương tiện đã huy động khi tình huống chấm dứt và phải báo cáo ngay với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp về việc huy động đó; người huy động phải chịu trách nhiệm cá nhân trước Ủy ban nhân dân xã và trước pháp luật về việc huy động của mình.

- Trường hợp phương tiện của tổ chức, cá nhân được huy động bị hư hỏng thì chủ phương tiện được bồi thường theo quy định của pháp luật. Nếu việc huy động của Trưởng Công an xã hoặc Phó trưởng Công an xã rõ ràng là không cần thiết hoặc trái pháp luật mà dẫn đến hư hỏng phương tiện, thì người huy động phải chịu trách nhiệm cá nhân trong việc bồi hoàn thiệt hại đã được bồi thường cho chủ phương tiện theo quy định của pháp luật.

**Câu hỏi 65. Theo quy định của pháp luật hiện hành, Công an xã có trách nhiệm như thế nào trong công tác tham gia phối hợp bảo đảm trật tự, an toàn giao thông?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 12/2010/TT-BCA đã sửa đổi, bổ sung, trong công tác tham gia phối hợp bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, Công an xã có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân cùng cấp có kế hoạch tuyên truyền, hướng dẫn nhân dân chấp hành đúng các quy định của pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông (đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa); tham gia phối hợp với lực lượng Cảnh sát giao thông thực hiện nhiệm vụ bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trên địa bàn xã. Việc tham gia phối hợp với lực lượng Cảnh sát giao thông thực

hiện nhiệm vụ bảo đảm trật tự, an toàn giao thông phải theo đúng quy định của pháp luật và hướng dẫn của Công an cấp trên.

Nghiêm cấm Công an xã tùy tiện đặt ra các quy định riêng trái với quy định của pháp luật về trật tự, an toàn giao thông hoặc tùy tiện ngăn chặn, kiểm soát, gây khó khăn, cản trở cho người và phương tiện tham gia giao thông.

**Câu hỏi 66. Những trường hợp nào được xác định là trường hợp cần thiết phải huy động lực lượng Công an xã phối hợp với Cảnh sát giao thông đường bộ tham gia tuần tra, kiểm soát trật tự, an toàn giao thông đường bộ?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 27/2010/NĐ-CP ngày 24-3-2010 của Chính phủ quy định việc huy động các lực lượng Cảnh sát khác và Công an xã phối hợp với Cảnh sát giao thông đường bộ tham gia tuần tra, kiểm soát trật tự, an toàn giao thông đường bộ trong trường hợp cần thiết (sau đây gọi là Nghị định số 27/2010/NĐ-CP), những trường hợp sau đây được xác định là những trường hợp cần thiết cần phải huy động Công an xã phối hợp với Cảnh sát giao thông đường bộ tham gia tuần tra, kiểm soát trật tự, an toàn giao thông đường bộ:

- Trong thời gian diễn ra các ngày lễ kỷ niệm; sự kiện chính trị - xã hội; hoạt động văn hoá, thể thao lớn của Nhà nước và địa phương;

- Các đợt cao điểm bảo đảm trật tự, an toàn giao thông theo chỉ đạo của Bộ Công an hoặc của Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

- Khi tình hình vi phạm trật tự, an toàn giao thông, tai nạn giao thông và ùn tắc giao thông có diễn biến phức tạp;

- Trường hợp khác mà trật tự, an toàn giao thông đường bộ gây ảnh hưởng xấu đến an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

**Câu hỏi 67. Theo quy định của pháp luật, thẩm quyền huy động lực lượng Công an xã phối hợp với Cảnh sát giao thông đường bộ tham gia tuần tra, kiểm soát trật tự, an toàn giao thông đường bộ được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 27/2010/NĐ-CP, thẩm quyền huy động lực lượng Công an xã phối hợp với Cảnh sát giao thông đường bộ tham gia tuần tra, kiểm soát trật tự, an toàn giao thông đường bộ được thực hiện như sau:

- Bộ trưởng Bộ Công an có thẩm quyền huy động Công an xã phối hợp với Cảnh sát giao thông

đường bộ tuần tra, kiểm soát trật tự, an toàn giao thông đường bộ trong phạm vi toàn quốc.

- Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có thẩm quyền huy động Công an xã phối hợp với Cảnh sát giao thông đường bộ tuần tra, kiểm soát trật tự, an toàn giao thông đường bộ trong phạm vi từ hai huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh trở lên.

- Trưởng Công an quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh có thẩm quyền huy động Công an xã phối hợp với Cảnh sát giao thông đường bộ tuần tra, kiểm soát trật tự, an toàn giao thông đường bộ trong phạm vi địa phương mình phụ trách.

**Câu hỏi 68. Việc huy động lực lượng Công an xã phối hợp với Cảnh sát giao thông đường bộ tham gia tuần tra, kiểm soát trật tự, an toàn giao thông đường bộ được thực hiện theo trình tự, thủ tục như thế nào?**

***Trả lời:***

Theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 27/2010/NĐ-CP, việc huy động lực lượng Công an xã phối hợp với Cảnh sát giao thông đường bộ tham gia tuần tra, kiểm soát trật tự, an toàn giao thông đường bộ được thực hiện theo trình tự, thủ tục như sau:

- Căn cứ các trường hợp cần thiết phải huy động Công an xã phối hợp với Cảnh sát giao thông đường bộ tham gia tuần tra, kiểm soát trật tự, an

toàn giao thông đường bộ quy định tại Điều 4 Nghị định số 27/2010/NĐ-CP thì người có thẩm quyền quy định tại Điều 5 Nghị định này quyết định việc huy động Công an xã phối hợp với Cảnh sát giao thông đường bộ tham gia tuần tra, kiểm soát trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

Việc huy động phải thực hiện bằng quyết định hoặc kế hoạch huy động, trong đó phải nêu rõ lực lượng, số lượng cần huy động, thời gian, địa bàn huy động, trách nhiệm, nhiệm vụ cụ thể của Công an xã tham gia phối hợp tuần tra, kiểm soát trật tự, an toàn giao thông. Khi hết thời gian huy động ghi trong quyết định hoặc kế hoạch huy động mà không có văn bản huy động mới của cấp có thẩm quyền thì Công an xã kết thúc nhiệm vụ được huy động, chuyển sang thực hiện nhiệm vụ thường xuyên.

- Khi nhận được quyết định hoặc kế hoạch huy động của cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 5 Nghị định số 27/2010/NĐ-CP, Trưởng Công an xã được huy động phải bố trí lực lượng, tổ chức triển khai việc huy động.

**Câu hỏi 69. Cơ chế phối hợp giữa lực lượng Công an xã với Cảnh sát giao thông đường bộ tham gia tuần tra, kiểm soát trật tự, an toàn giao thông đường bộ được thực hiện như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 8 Nghị định số



27/2010/NĐ-CP, cơ chế phối hợp giữa lực lượng Công an xã với Cảnh sát giao thông đường bộ tham gia tuần tra, kiểm soát trật tự, an toàn giao thông đường bộ được thực hiện như sau:

- Công an xã tuần tra, kiểm soát trật tự, an toàn giao thông đường bộ cùng Cảnh sát giao thông đường bộ phải thực hiện đúng Kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chịu sự kiểm tra, giám sát của Cảnh sát giao thông đường bộ, nếu phát hiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ thì Cảnh sát giao thông đường bộ xử phạt vi phạm hành chính những hành vi vi phạm thuộc quyền xử phạt của mình theo quy định của pháp luật.

- Công an xã tuần tra, kiểm soát trật tự, an toàn giao thông đường bộ mà không có Cảnh sát giao thông đường bộ đi cùng thì phải thực hiện việc tuần tra, kiểm soát theo Kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và phải thường xuyên thông báo cho lực lượng Cảnh sát giao thông đường bộ về việc tuần tra, kiểm soát của mình, nếu phát hiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ thì được xử phạt vi phạm hành chính những hành vi thuộc quyền xử phạt của mình theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp vượt quá thẩm quyền xử phạt của mình thì phải lập biên bản vi phạm hành chính, báo cáo cấp có thẩm quyền giải quyết.

**Câu hỏi 70.** Trong quá trình thực thi công vụ khi tham gia tuần tra, kiểm soát trật tự, an toàn giao thông đường bộ, lực lượng Công an xã cần tập trung thực hiện tốt những nhiệm vụ cụ thể nào?

**Trả lời:**

Theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 27/2010/NĐ-CP, trong quá trình thực thi công vụ khi tham gia tuần tra, kiểm soát trật tự, an toàn giao thông đường bộ, lực lượng Công an xã cần tập trung thực hiện tốt những nhiệm vụ cụ thể sau:

- Thực hiện việc tuần tra, kiểm soát theo sự chỉ đạo, điều hành của Cảnh sát giao thông đường bộ và theo kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền khi tuần tra, kiểm soát trật tự, an toàn giao thông đường bộ mà không có Cảnh sát giao thông đường bộ đi cùng;

- Thông kê, báo cáo các vụ, việc vi phạm pháp luật, tai nạn giao thông đường bộ; kết quả công tác tuần tra, kiểm soát trật tự, an toàn giao thông đường bộ theo sự phân công trong kế hoạch đã được phê duyệt.

Để hướng dẫn chi tiết quy định nêu trên, tại Điều 7 Thông tư số 47/2011/TT-BCA ngày 02-7-2011 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 27/2010/NĐ-CP quy định việc huy động các lực lượng Cảnh sát khác và

Công an xã phối hợp với cảnh sát giao thông đường bộ tham gia tuần tra, kiểm soát trật tự, an toàn giao thông đường bộ trong trường hợp cần thiết (sau đây gọi là Thông tư số 47/2011/TT-BCA) đã quy định cụ thể hơn về trách nhiệm của Công an xã trong khi tham gia tuần tra, kiểm soát trật tự, an toàn giao thông đường bộ, như sau:

- Bố trí lực lượng tham gia tuần tra, kiểm soát trật tự, an toàn giao thông theo kế hoạch.

- Thống kê, báo cáo các vụ, việc vi phạm pháp luật, tai nạn giao thông đường bộ; kết quả tuần tra, kiểm soát và xử lý vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông đường bộ theo sự phân công trong kế hoạch.

- Trường hợp không có lực lượng Cảnh sát giao thông đi cùng thì Công an xã thực hiện việc tuần tra, kiểm soát theo kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Lực lượng Công an xã chỉ được tuần tra, kiểm soát trên các tuyến đường liên xã, liên thôn thuộc địa bàn quản lý và xử lý các hành vi vi phạm trật tự, an toàn giao thông sau: Điều khiển xe mô tô, xe gắn máy không đội mũ bảo hiểm, chở quá số người quy định, chở hàng hóa công kênh; đỗ xe ở lòng đường trái quy định; điều khiển phương tiện phóng nhanh, lạng lách, đánh võng, tháo ống xả, không có gương chiếu hậu hoặc chưa đủ tuổi điều khiển phương tiện theo quy định của pháp luật và các hành vi vi phạm hành lang an

toàn giao thông đường bộ như họp chợ dưới lòng đường, lấn chiếm hành lang an toàn giao thông. Nghiêm cấm việc Công an xã dừng xe, kiểm soát trên các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ.

**Câu hỏi 71.** Công an xã được huy động phối hợp với cảnh sát giao thông đường bộ tham gia tuần tra, kiểm soát trật tự, an toàn giao thông đường bộ cần bảo đảm những điều kiện cơ bản nào?

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 47/2011/TT-BCA, Công an xã được huy động phối hợp với Cảnh sát giao thông đường bộ tham gia tuần tra, kiểm soát trật tự, an toàn giao thông đường bộ phải được tập huấn và nắm vững các quy định của Luật giao thông đường bộ, Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và quy trình tuần tra, kiểm soát giao thông đường bộ.

**Câu hỏi 72.** Khi tham gia thực hiện nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát trật tự, an toàn giao thông đường bộ, lực lượng Công an xã được trang bị phương tiện và các điều kiện bảo đảm như thế nào?

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 27/2010/NĐ-CP, khi tham gia thực hiện nhiệm vụ

tuần tra, kiểm soát trật tự, an toàn giao thông đường bộ, lực lượng Công an xã được trang bị phương tiện và các điều kiện bảo đảm, cụ thể là:

- Công an xã thực hiện nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát trật tự, an toàn giao thông đường bộ được trang bị còi, gậy chỉ huy giao thông, các biểu mẫu phục vụ công tác tuần tra, kiểm soát, xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ.

- Công an xã trong thời gian tham gia phối hợp tuần tra, kiểm soát trật tự, an toàn giao thông đường bộ được hưởng mức bồi dưỡng theo quy định của pháp luật hiện hành đối với các lực lượng tham gia công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.

Để hướng dẫn chi tiết quy định nêu trên, tại Điều 8 Thông tư số 47/2011/TT-BCA đã quy định cụ thể hơn về việc trang bị phương tiện và các điều kiện bảo đảm của Công an xã khi tham gia thực hiện nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát trật tự, an toàn giao thông đường bộ, như sau:

- Công an xã khi thực hiện nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát trật tự, an toàn giao thông đường bộ được trang bị phương tiện nghiệp vụ gồm: Còi, gậy chỉ huy giao thông và các biểu mẫu xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ.

- Việc sử dụng phương tiện nghiệp vụ và biểu mẫu xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao

thông đường bộ phải thực hiện theo đúng quy định về quản lý phương tiện nghiệp vụ và chế độ công tác hồ sơ của ngành Công an. Phương tiện nghiệp vụ và biểu mẫu xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ được quản lý tập trung, bảo đảm an toàn tại trụ sở hoặc nơi làm việc. Trưởng Công an xã phải thường xuyên kiểm tra việc chấp hành các quy định về trang bị, quản lý, sử dụng phương tiện nghiệp vụ và biểu mẫu xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ. Trường hợp phương tiện nghiệp vụ, biểu mẫu xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ bị mất, hư hỏng hoặc thất lạc phải báo cáo ngay với đơn vị cấp phát theo quy định.

- Phương tiện nghiệp vụ và biểu mẫu xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ chỉ được trang bị để làm nhiệm vụ; khi thực hiện xong nhiệm vụ, phải giao lại cho người có trách nhiệm trực tiếp quản lý. Việc giao, nhận phương tiện nghiệp vụ và biểu mẫu xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ phải có ký nhận, ghi vào sổ theo dõi và quản lý chặt chẽ.

- Nghiêm cấm việc sử dụng trái phép phương tiện nghiệp vụ, biểu mẫu xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ; giao phương tiện nghiệp vụ, biểu mẫu xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ

*cho người không có trách nhiệm mượn, sử dụng hoặc mang về nhà riêng.*

- Công an xã trong thời gian tham gia phối hợp tuần tra, kiểm soát trật tự, an toàn giao thông đường bộ được hưởng bồi dưỡng theo quy định của pháp luật đối với các lực lượng tham gia công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.

Giám đốc Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương để trang bị phương tiện nghiệp vụ, biểu mẫu xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và thực hiện chế độ bồi dưỡng cho Công an xã theo quy định.

**Câu hỏi 73. Chủ thể nào có thẩm quyền giao những nhiệm vụ khác về an ninh, trật tự, an toàn xã hội cho lực lượng Công an xã? Trường hợp nhiệm vụ được giao không phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Công an xã hoặc cấp ủy Đảng, Ủy ban nhân dân xã có ý kiến chỉ đạo chưa thống nhất với chỉ đạo của Công an cấp trên thì giải quyết như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 12 Thông tư số 12/2010/TT-BCA đã sửa đổi, bổ sung, ngoài các nhiệm vụ cụ thể quy định tại Pháp lệnh Công an xã năm 2008 và hướng dẫn tại Thông tư này, Công an xã có trách nhiệm thực hiện các nhiệm

vụ khác về an ninh, trật tự, an toàn xã hội do cấp ủy Đảng, Ủy ban nhân dân cùng cấp và Công an cấp trên giao.

Trường hợp nhiệm vụ được giao không phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Công an xã hoặc cấp ủy Đảng, Ủy ban nhân dân xã có ý kiến chỉ đạo khác với ý kiến chỉ đạo của Công an cấp trên thì phải kiến nghị, đề xuất với cấp ủy Đảng, Ủy ban nhân dân xã có sự điều chỉnh cho phù hợp; trường hợp cần thiết thì phải báo cáo Trưởng Công an cấp huyện để có sự phối hợp, chỉ đạo kịp thời, đúng pháp luật, bảo đảm sự thống nhất giữa cấp ủy Đảng, Ủy ban nhân dân xã và Công an cấp trên.

**Câu hỏi 74. Theo quy định của pháp luật hiện hành, thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính của Trưởng Công an xã được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại khoản 3 Điều 39 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, Trưởng Công an xã có quyền:

- Phạt cảnh cáo;
- Phạt tiền đến 5% mức tiền phạt tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 nhưng không quá 2.500.000 đồng;
- Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được



quy định tại điểm b khoản 3 Điều 39 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (*phạt tiền đến 5% mức tiền phạt tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 nhưng không quá 2.500.000 đồng*);

- Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c và đ khoản 1 Điều 28 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (*buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu; buộc thực hiện biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh; buộc tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường, văn hóa phẩm có nội dung độc hại*).

**Câu hỏi 75. Theo quy định của pháp luật hiện hành, Trưởng Công an xã có được giao thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính cho Phó trưởng Công an xã hay không? Nếu có thì việc giao thẩm quyền xử phạt được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 54 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, Trưởng Công an xã có thể giao cho Phó trưởng Công an xã thực hiện thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính.

Việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính được thực hiện thường xuyên hoặc theo vụ việc và phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó xác định rõ phạm vi, nội dung, thời hạn giao quyền.

Phó trưởng Công an xã được giao quyền xử phạt vi phạm hành chính phải chịu trách nhiệm về quyết định xử phạt vi phạm hành chính của mình trước Trưởng Công an xã và trước pháp luật. Phó trưởng Công an xã được giao quyền không được giao quyền, ủy quyền cho bất kỳ người nào khác.

**Câu hỏi 76.** Theo quy định của pháp luật hiện hành, Trưởng Công an xã có thẩm quyền tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 39 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (2.500.000 đồng). Vậy, thủ tục để thực hiện thẩm quyền này như thế nào?

***Trả lời:***

Theo quy định tại khoản 1 Điều 81 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, thủ tục tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính được thực hiện như sau:

- Khi tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, người có thẩm quyền xử phạt phải lập biên bản. Trong biên bản phải ghi rõ tên, số lượng, chủng loại, số đăng ký (nếu có), tình trạng, chất lượng của vật, tiền, hàng hoá, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu và phải có chữ ký của người tiến hành tịch thu, người bị xử phạt hoặc đại diện tổ chức bị xử phạt và người chứng kiến; trường hợp người bị xử phạt hoặc đại diện

tổ chức bị xử phạt vắng mặt thì phải có hai người chứng kiến. Đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính cần được niêm phong thì phải niêm phong ngay trước mặt người bị xử phạt, đại diện tổ chức bị xử phạt hoặc người chứng kiến. Việc niêm phong phải được ghi nhận vào biên bản.

- Đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đang bị tạm giữ, người có thẩm quyền xử phạt thấy tình trạng tang vật, phương tiện có thay đổi so với thời điểm ra quyết định tạm giữ thì phải lập biên bản về những thay đổi này; biên bản phải có chữ ký của người lập biên bản, người có trách nhiệm tạm giữ và người chứng kiến.

Tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu phải được quản lý và bảo quản theo quy định của Chính phủ.

**Câu hỏi 77. Công an xã có trách nhiệm như thế nào trong việc lập hồ sơ đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã xem xét, quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 97 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, trong việc lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, Công an xã có trách nhiệm:

- Trưởng Công an xã nơi người vi phạm thuộc đối tượng áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn cư trú hoặc nơi họ có hành vi vi phạm

pháp luật tự mình hoặc theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã hoặc đại diện cơ quan, tổ chức, đơn vị dân cư ở cơ sở lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

- Hồ sơ đề nghị gồm có bản tóm tắt lý lịch, tài liệu về các hành vi vi phạm pháp luật của người đó, bệnh án (nếu có), bản tường trình của người vi phạm và các tài liệu khác có liên quan.

Đối với người chưa thành niên bị xem xét áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn thì hồ sơ phải có nhận xét của nhà trường, cơ quan, tổ chức nơi người chưa thành niên đang học tập, làm việc (nếu có), ý kiến của cha mẹ hoặc người giám hộ.

- Sau khi hoàn thành việc lập hồ sơ đề nghị theo quy định, Công an xã đã lập hồ sơ phải gửi cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, đồng thời thông báo cho người bị áp dụng. Đối với người chưa thành niên thì còn được thông báo cho cha mẹ hoặc người giám hộ về việc lập hồ sơ. Những người này có quyền đọc hồ sơ và ghi chép các nội dung cần thiết trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo.

**Câu hỏi 78.** Với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Công an xã có trách nhiệm như thế nào trong việc giúp Chủ tịch

**Ủy ban nhân dân cùng cấp thực hiện việc lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng?**

***Trả lời:***

Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 99 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, Công an xã có trách nhiệm giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp thu thập các tài liệu và lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, cụ thể:

- Đối với người chưa thành niên vi phạm có nơi cư trú ổn định, hồ sơ đề nghị gồm có bản tóm tắt lý lịch; tài liệu về các hành vi vi phạm pháp luật của người vi phạm; biện pháp giáo dục đã áp dụng; bản tường trình của người vi phạm, ý kiến của cha mẹ hoặc người đại diện hợp pháp của họ, ý kiến của nhà trường, cơ quan, tổ chức nơi người chưa thành niên đang học tập hoặc làm việc (nếu có) và các tài liệu khác có liên quan (điểm a khoản 1 Điều 99 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012);

- Đối với người chưa thành niên vi phạm không có nơi cư trú ổn định thì hồ sơ đề nghị gồm có biên bản vi phạm; bản tóm tắt lý lịch; tài liệu về các hành vi vi phạm pháp luật của người đó; bản trích lục tiền án, tiền sự; biện pháp giáo dục đã áp dụng (nếu có); bản tường trình của người vi phạm, ý kiến của cha mẹ hoặc người đại diện hợp

pháp của họ (điểm b khoản 1 Điều 99 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012).

**Câu hỏi 79.** Với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Công an xã có trách nhiệm như thế nào trong việc giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp thực hiện việc lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc?

***Trả lời:***

Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 101 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, Công an xã có trách nhiệm giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp thu thập các tài liệu và lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đối với các trường hợp sau:

- Đối với người vi phạm có nơi cư trú ổn định thì hồ sơ đề nghị gồm có bản tóm tắt lý lịch; tài liệu về các hành vi vi phạm pháp luật của người đó; biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đã áp dụng; bản tường trình của người vi phạm hoặc của người đại diện hợp pháp của họ và các tài liệu khác có liên quan (điểm a khoản 1 Điều 101 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012).

- Đối với người không cư trú tại nơi có hành vi vi phạm pháp luật thì phải xác minh; trường hợp xác định được nơi cư trú thì có trách nhiệm chuyển người đó kèm theo biên bản vi phạm về

địa phương để xử lý; trường hợp không xác định được nơi cư trú của người đó thì lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc. Hồ sơ đề nghị gồm có biên bản vi phạm; bản tóm tắt lý lịch; tài liệu về các hành vi vi phạm pháp luật của người đó; bản trích lục tiền án, tiền sự; biện pháp giáo dục đã áp dụng (nếu có); bản tường trình của người vi phạm hoặc của người đại diện hợp pháp của họ (điểm b khoản 1 Điều 101 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012).

**Câu hỏi 80. Với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Công an xã có trách nhiệm như thế nào trong việc giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp thực hiện việc lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc?**

***Trả lời:***

1. Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 103 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, Công an xã có trách nhiệm giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp thu thập các tài liệu và lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, cụ thể:

- Đối với người nghiện ma túy có nơi cư trú ổn định thì hồ sơ đề nghị gồm có bản tóm tắt lý lịch; tài liệu chứng minh tình trạng nghiện ma túy hiện tại của người đó; tài liệu chứng minh người

đó đã bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn về hành vi nghiện ma túy; bản tường trình của người vi phạm hoặc của người đại diện hợp pháp của họ và các tài liệu khác có liên quan.

- Đối với người nghiện ma túy không cư trú tại nơi người đó có hành vi vi phạm pháp luật thì phải xác minh; trường hợp xác định được nơi cư trú thì có trách nhiệm chuyển người đó kèm theo biên bản vi phạm về địa phương để xử lý; trường hợp không xác định được nơi cư trú của người đó thì lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Hồ sơ đề nghị gồm có biên bản vi phạm; bản tóm tắt lý lịch; tài liệu chứng minh tình trạng nghiện ma túy hiện tại của người đó; tài liệu chứng minh người đó đã bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn về hành vi nghiện ma túy; bản tường trình của người nghiện ma túy.

**Câu hỏi 81. Pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính quy định như thế nào về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Trưởng Công an xã trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình?**

***Trả lời:***

Theo quy định tại khoản 3 Điều 66 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12-11-2013 của Chính phủ



quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình (sau đây gọi là Nghị định số 167/2013/NĐ-CP), Trưởng Công an xã có quyền:

- Phạt cảnh cáo;
- Phạt tiền đến 1.500.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình; đến 2.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội và lĩnh vực phòng, chống tệ nạn xã hội; đến 2.500.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy và chữa cháy;

- Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định đối với thẩm quyền của Trưởng Công an (*phạt tiền đến 1.500.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình; đến 2.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội và lĩnh vực phòng, chống tệ nạn xã hội; đến 2.500.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy và chữa cháy*);

- Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu; buộc thực hiện biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường,

lây lan dịch bệnh; buộc tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường, văn hóa phẩm có nội dung độc hại quy định tại các điểm a, c và đ khoản 1 Điều 28 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

## **II. BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG, CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH VÀ TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CÔNG AN XÃ**

---

**Câu hỏi 82.** Theo quy định của pháp luật hiện hành, Trưởng Công an xã, Phó trưởng Công an xã được đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện ở đâu?

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 17 Pháp lệnh Công an xã năm 2008, Trưởng Công an xã, Phó trưởng Công an xã phải được đào tạo, bồi dưỡng theo quy định của Chính phủ.

Hàng năm, Trưởng Công an xã, Phó trưởng Công an xã và Công an viên được huấn luyện, bồi dưỡng kiến thức chính trị, pháp luật, nghiệp vụ theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Công an quy định.

Để hướng dẫn thực hiện quy định nêu trên, tại Điều 5 Nghị định số 73/2009/NĐ-CP, Trưởng Công an xã, Phó trưởng Công an xã được đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện tại Trung tâm huấn luyện và bồi dưỡng nghiệp vụ của Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc các trường Trung học

Cảnh sát nhân dân, Trung học An ninh nhân dân. Bộ trưởng Bộ Công an có trách nhiệm quy định cụ thể thời gian, chương trình, nội dung đào tạo Trưởng Công an xã, Phó trưởng Công an xã.

**Câu hỏi 83. Việc bồi dưỡng, huấn luyện đối với Công an xã phải bảo đảm mục đích, yêu cầu gì?**

*Trả lời:*

Theo quy định tại tiểu mục 3 mục I Thông tư số 32/2009/TT-BCA-V19 ngày 28-5-2009 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về chương trình bồi dưỡng, huấn luyện đối với Công an xã (sau đây gọi là Thông tư số 32/2009/TT-BCA-V19), việc bồi dưỡng, huấn luyện đối với Công an xã phải bảo đảm mục đích, yêu cầu sau đây:

- Thống nhất chương trình bồi dưỡng, huấn luyện nhằm trang bị cho Trưởng Công an xã, Phó trưởng Công an xã, Công an viên những kiến thức cơ bản, thiết thực về quản lý hành chính nhà nước trong lĩnh vực an ninh, trật tự ở cơ sở; về pháp luật có liên quan trực tiếp đến công tác của Công an xã; một số kiến thức nghiệp vụ cơ bản và phương pháp hoạt động của Công an xã; nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức tác phong và năng lực công tác cho Công an xã, góp phần xây dựng, củng cố lực lượng Công an xã trong sạch, vững mạnh, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ an ninh, trật tự ở địa bàn cơ sở trong tình hình mới.

- Chương trình bồi dưỡng, huấn luyện đối với Công an xã phải bảo đảm yêu cầu giúp đối tượng này nắm vững quy định của pháp luật về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Công an xã; biết tổ chức phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh ngăn chặn các hoạt động phạm tội và những hành vi vi phạm pháp luật khác, giải quyết và xử lý những vụ việc xảy ra ở cơ sở theo đúng đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

**Câu hỏi 84. Thời gian bồi dưỡng, huấn luyện một khóa đối với Công an xã là bao lâu?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại điểm b tiểu mục 1 mục II Thông tư số 32/2009/TT-BCA-V19 thì thời gian bồi dưỡng, huấn luyện 01 khóa là 15 ngày, cụ thể như sau:

- Nghe giảng các chuyên đề: 11 ngày;
- Nghe báo cáo thực tế các chuyên đề: 02 ngày;
- Ôn tập: 01 ngày;
- Kiểm tra: 1/2 ngày;
- Khai giảng, bế giảng: 1/2 ngày.

**Câu hỏi 85. Theo quy định của pháp luật hiện hành, chương trình bồi dưỡng, huấn luyện đối với Công an xã bao gồm những nội dung gì?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại tiểu mục 2 mục II Thông tư số 32/2009/TT-BCA-V19, chương trình bồi dưỡng,

huấn luyện đối với Công an xã bao gồm 03 nội dung, cụ thể như sau:

- Một số vấn đề cơ bản của công tác quản lý nhà nước về an ninh, trật tự;
- Một số vấn đề cơ bản về công tác nghiệp vụ của Công an xã;
- Chương trình huấn luyện sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ.

**Câu hỏi 86.** Theo quy định của pháp luật hiện hành, nội dung về một số vấn đề cơ bản của công tác quản lý nhà nước về an ninh, trật tự nằm trong chương trình bồi dưỡng, huấn luyện đối với Công an xã có những chuyên đề nào? Những nội dung cơ bản của những chuyên đề đó là gì?

***Trả lời:***

Theo quy định tại Thông tư số 32/2009/TT-BCA-V19, nội dung về một số vấn đề cơ bản của công tác quản lý nhà nước về an ninh, trật tự nằm trong chương trình bồi dưỡng, huấn luyện đối với Công an xã có 05 chuyên đề với những nội dung cơ bản sau đây:

- Chuyên đề 1: Khái quát lịch sử hình thành và phát triển của lực lượng Công an nhân dân và chức năng, nhiệm vụ của Công an nhân dân, trong đó cần nắm vững những nội dung cơ bản như khái quát về lịch sử hình thành và phát triển của lực lượng

Công an nhân dân; chức năng, nhiệm vụ của Công an nhân dân; quan điểm chỉ đạo, yêu cầu xây dựng lực lượng Công an nhân dân trong sạch, vững mạnh; chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Công an phụ trách xã về an ninh, trật tự (hiện nay là Công an phụ trách phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc).

- Chuyên đề 2: Một số vấn đề cơ bản về tổ chức và hoạt động của chính quyền cơ sở, trong đó cần nắm vững những nội dung cơ bản như vị trí, chức năng, nhiệm vụ của chính quyền xã; tổ chức và hoạt động của chính quyền xã; yêu cầu nâng cao hiệu quả hoạt động của chính quyền xã và biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của chính quyền xã.

- Chuyên đề 3: Tổ chức và hoạt động của Công an xã, trong đó cần nắm vững những nội dung cơ bản như vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Công an xã; tổ chức, hoạt động và lề lối làm việc của Công an xã; quan hệ công tác, phối hợp lực lượng của Công an xã; trang bị, chế độ, chính sách đối với Công an xã; công tác xây dựng lực lượng Công an xã. Đồng thời, có báo cáo thực tế điển hình về xây dựng lực lượng Công an xã.

- Chuyên đề 4: Một số vấn đề cơ bản về pháp luật, pháp chế và công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật ở cơ sở, trong đó cần nắm vững những nội dung cơ bản như một số vấn đề đại

cương về nhà nước và pháp luật; hệ thống pháp luật của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trong Nhân dân; giới thiệu khái quát nội dung một số văn bản quy phạm pháp luật về hình sự, tố tụng hình sự, dân sự, tố tụng dân sự, xử lý vi phạm hành chính.

- Chuyên đề 5: Phát huy quyền làm chủ và thực hiện quy chế dân chủ ở địa bàn xã, trong đó cần nắm vững những nội dung cơ bản như bản chất nền dân chủ xã hội chủ nghĩa; nội dung và biện pháp để phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; Công an xã với việc thực hiện quy chế dân chủ ở xã; giới thiệu một số văn bản quy phạm pháp luật về thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; đồng thời có báo cáo thực tế về kết quả thực hiện tốt quy chế dân chủ ở xã.

**Câu hỏi 87.** Theo quy định của pháp luật hiện hành, nội dung về công tác điều tra cơ bản nắm tình hình về an ninh, trật tự ở xã nằm trong chương trình bồi dưỡng, huấn luyện đối với Công an xã có những chuyên đề nào? Những nội dung cơ bản của những chuyên đề đó là gì?

**Trả lời:**

Theo quy định tại Thông tư số 32/2009/TT-BCA-V19, nội dung về công tác điều tra cơ bản



nắm tình hình về an ninh, trật tự ở xã nằm trong chương trình bồi dưỡng, huấn luyện đối với Công an xã có 06 chuyên đề với những nội dung cơ bản sau đây:

- Chuyên đề 1: Công tác điều tra cơ bản nắm tình hình về an ninh, trật tự ở xã, trong đó cần nắm vững những nội dung cơ bản như tầm quan trọng của công tác điều tra cơ bản nắm tình hình ở xã; nội dung, yêu cầu về điều tra cơ bản, nắm tình hình; phương pháp điều tra, nghiên cứu nắm tình hình và chế độ thông tin, báo cáo của Công an xã.

- Chuyên đề 2: Vấn đề an ninh nông thôn và Công an xã với công tác đảm bảo an ninh, trật tự ở xã, trong đó cần nắm vững những nội dung cơ bản như vị trí, đặc điểm địa bàn nông thôn liên quan đến công tác an ninh, trật tự; một số chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về vấn đề nông nghiệp, nông thôn và nông dân; những nguyên nhân, điều kiện dẫn đến khiếu kiện phức tạp gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại nông thôn; phương châm, nguyên tắc xử lý vấn đề an ninh nông thôn và công tác Công an xã đối với nhiệm vụ đảm bảo an ninh nông thôn.

- Chuyên đề 3: Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, trong đó cần nắm vững những nội dung cơ bản như vị trí, vai trò của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; vận dụng quan điểm lấy dân làm gốc của Đảng trong

xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong tình hình mới; xây dựng và nhân rộng điển hình tiên tiến của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc ở xã; đồng thời có báo cáo thực tế về xây dựng lá cờ đầu trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

- Chuyên đề 4: Công tác quản lý hành chính về trật tự xã hội ở cơ sở, trong đó cần nắm vững những nội dung cơ bản như khái niệm, vị trí, mục đích, đặc điểm đối tượng của công tác quản lý hành chính về trật tự xã hội; công tác đăng ký, quản lý cư trú; công tác cấp, phát, quản lý chứng minh nhân dân và một số giấy tờ đi lại khác của công dân; công tác quản lý nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự; công tác quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, chất độc, chất cháy; công tác quản lý trật tự, an toàn giao thông, trật tự công cộng; công tác phòng cháy, chữa cháy; quản lý môi trường ở cơ sở.

- Chuyên đề 5: Công tác phân loại, giải quyết các vụ vi phạm pháp luật xảy ra ở địa bàn xã, trong đó cần nắm vững những nội dung cơ bản như công tác phân loại vụ việc phạm pháp xảy ra ở xã (vụ việc có dấu hiệu tội phạm, vụ việc vi phạm pháp luật hành chính; vụ việc vi phạm pháp luật về kinh tế, dân sự, đất đai, hôn nhân và gia đình); phương pháp giải quyết những vụ việc vi phạm pháp luật ở xã; đồng thời có báo cáo thực tế

về kinh nghiệm giải quyết, phân loại vụ việc vi phạm pháp luật tại địa phương.

- Chuyên đề 6: Công tác quản lý đối tượng và giáo dục những người có hành vi vi phạm pháp luật tại xã, trong đó cần nắm vững những nội dung cơ bản như công tác quản lý, giáo dục đối tượng tại xã; công tác giáo dục những người có hành vi vi phạm pháp luật tại xã; giới thiệu một số văn bản pháp luật về quản lý đối tượng tại địa bàn cơ sở như đối tượng bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, đối tượng bị áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ...

**Câu hỏi 88. Theo quy định của pháp luật hiện hành, nội dung về chương trình huấn luyện sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ nằm trong chương trình bồi dưỡng, huấn luyện đối với Công an xã có những chuyên đề nào? Những nội dung cơ bản của những chuyên đề đó là gì?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Thông tư số 32/2009/TT-BCA-V19, nội dung về chương trình huấn luyện sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ nằm trong chương trình bồi dưỡng, huấn luyện đối với Công an xã có 01 chuyên đề về sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ với những nội dung cơ bản như tính năng của một số loại vũ khí, công cụ hỗ trợ trang bị cho Công an xã;

cách sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ; tình huống hoặc trường hợp sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ; giới thiệu một số văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

**Câu hỏi 89.** Trong chương trình bồi dưỡng, huấn luyện đối với Công an xã cần nắm vững và thực hiện tốt phương pháp bồi dưỡng, huấn luyện nào?

**Trả lời:**

Phương pháp bồi dưỡng, huấn luyện đối với Công an xã là kết hợp giữa giảng lý thuyết với giải đáp thắc mắc của học viên; bố trí thời gian hợp lý để học viên vận dụng kiến thức lý luận vào giải quyết một số tình hình thực tế xảy ra tại địa phương.

**Câu hỏi 90.** Trách nhiệm biên soạn chương trình và tổ chức bồi dưỡng, huấn luyện đối với Công an xã được quy định như thế nào?

**Trả lời:**

Theo quy định tại Thông tư số 32/2009/TT-BCA-V19, trách nhiệm biên soạn chương trình và tổ chức bồi dưỡng, huấn luyện đối với Công an xã được quy định như sau:

- Căn cứ vào chương trình khung, Tổng cục Xây dựng lực lượng Công an nhân dân (nay là Tổng cục Chính trị Công an nhân dân) chủ trì,

phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức việc biên soạn tài liệu bồi dưỡng, huấn luyện đối với Công an xã và hướng dẫn Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức bồi dưỡng, huấn luyện theo quy định.

- Giám đốc Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện việc bồi dưỡng, huấn luyện Công an xã; lựa chọn, mời giảng viên phù hợp với từng chuyên đề để thực hiện. Trong quá trình bồi dưỡng, huấn luyện, có quyền lựa chọn, đưa vào chương trình bồi dưỡng, huấn luyện một số nội dung khác phù hợp với đặc điểm và tình hình của địa phương, nhưng không làm thay đổi tổng thời gian của khóa học.

**Câu hỏi 91. Việc bố trí kinh phí bồi dưỡng, huấn luyện đối với Công an xã được quy định như thế nào?**

***Trả lời:***

Theo quy định tại Thông tư số 32/2009/TT-BCA-V19, việc bố trí kinh phí bồi dưỡng, huấn luyện đối với Công an xã được quy định như sau:

- Kinh phí bồi dưỡng, huấn luyện cho Trưởng Công an xã, Phó trưởng Công an xã và Công an viên được bố trí trong dự toán ngân sách chi an ninh thường xuyên của Công an các đơn vị, địa phương được Bộ Công an giao hằng năm.

- Công an các đơn vị, địa phương có trách nhiệm lập dự toán, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí bồi dưỡng, huấn luyện này theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

**Câu hỏi 92. Để hoàn thành vị trí, chức năng, nhiệm vụ được giao, Công an xã được bảo đảm về nơi làm việc và trang bị như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 15 Pháp lệnh Công an xã năm 2008, Công an xã có trụ sở hoặc nơi làm việc riêng phù hợp với điều kiện và yêu cầu nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở cơ sở. Cùng với đó, Công an xã được trang bị vũ khí, công cụ hỗ trợ, hồ sơ, sổ sách và trang thiết bị, phương tiện cần thiết khác để thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật. Vũ khí, công cụ hỗ trợ và trang thiết bị của Công an xã phải được đăng ký, quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Công an.

**Câu hỏi 93. Việc trang bị, quản lý vũ khí, công cụ hỗ trợ đối với Công an xã được thực hiện như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 15 Thông tư số 12/2010/TT-BCA đã sửa đổi, bổ sung, việc trang bị, quản lý vũ khí, công cụ hỗ trợ đối với Công an xã được quy định như sau:

- Tùy đặc điểm, tình hình của từng xã, Công an xã được trang bị vũ khí, công cụ hỗ trợ, bao gồm: súng trường, súng tiểu liên; roi cao su, roi điện, dùi cui các loại. Giám đốc Công an cấp tỉnh căn cứ vào đặc điểm tình hình, yêu cầu công tác bảo đảm an ninh, trật tự của địa phương, lập báo cáo đề xuất trang bị vũ khí, công cụ hỗ trợ cho Công an xã gửi về Bộ Công an (qua Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật) để có kế hoạch trang bị cho phù hợp.

- Vũ khí, công cụ hỗ trợ của Công an xã phải được quản lý tập trung, bảo đảm an toàn, chắc chắn, tại trụ sở hoặc nơi làm việc của Công an xã và thực hiện theo đúng chế độ quy định về đăng ký, quản lý, bảo dưỡng vũ khí, công cụ hỗ trợ. Trưởng Công an xã phải thường xuyên kiểm tra việc chấp hành các quy định về trang bị, quản lý, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ; trường hợp bị mất, hư hỏng hoặc thất lạc vũ khí, công cụ hỗ trợ, phải báo cáo ngay với Trưởng Công an cấp huyện.

- Vũ khí, công cụ hỗ trợ của Công an xã chỉ được trang bị để làm nhiệm vụ và phải do Trưởng Công an xã hoặc Phó trưởng Công an xã được phân công phụ trách quyết định; khi thực hiện nhiệm vụ xong, phải giao lại ngay cho người có trách nhiệm trực tiếp quản lý. Việc giao, nhận vũ khí, công cụ hỗ trợ phải có ký nhận và ghi vào sổ theo dõi, quản lý theo quy định. Phải thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo về tình hình quản lý, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ của Công an xã

như sau: Định kỳ hằng quý, Công an xã báo cáo Công an cấp huyện (qua Đội Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội); định kỳ 6 tháng một lần, Công an cấp huyện báo cáo Công an cấp tỉnh (qua Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội); định kỳ hằng năm, Công an cấp tỉnh báo cáo Bộ (qua Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự an toàn xã hội).

- Việc sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và chỉ được sử dụng trong trường hợp thực sự cần thiết để chủ động tấn công tội phạm, truy bắt người phạm tội quả tang, người có quyết định truy nã, truy tìm, đối tượng côn đồ hung hãn, chống người thi hành công vụ hoặc trong trường hợp phòng vệ chính đáng và những trường hợp cấp thiết khác theo quy định của pháp luật.

Nghiêm cấm mọi hành vi mua, bán, trao đổi, sử dụng trái phép vũ khí, công cụ hỗ trợ; giao vũ khí, công cụ hỗ trợ cho người không có trách nhiệm mượn, sử dụng; mang vũ khí, công cụ hỗ trợ khi không thi hành nhiệm vụ hoặc mang về nhà riêng.

**Câu hỏi 94.** Việc trang bị hồ sơ, sổ sách và trang, thiết bị, phương tiện cần thiết phục vụ công tác của Công an xã được quy định như thế nào?

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 16 Thông tư số



12/2010/TT-BCA đã sửa đổi, bổ sung, việc trang bị, hồ sơ, sổ sách và trang, thiết bị, phương tiện cần thiết phục vụ công tác của Công an xã được quy định như sau: Công an xã được trang bị hồ sơ, tủ đựng hồ sơ, bàn, ghế, sổ sách và các trang, thiết bị, phương tiện cần thiết để làm việc. Trên cơ sở đề xuất của Trưởng Công an xã, Ủy ban nhân dân cùng cấp có kế hoạch hoặc trình Ủy ban nhân dân cấp trên kế hoạch mua sắm, trang bị phương tiện phục vụ công tác cho Công an xã, đáp ứng yêu cầu bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở địa bàn cơ sở.

**Câu hỏi 95. Pháp luật hiện hành quy định như thế nào về việc Công an xã được trang bị, sử dụng trang phục, phù hiệu, giấy chứng nhận Công an xã?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 16 Pháp lệnh Công an xã năm 2008, Trưởng Công an xã, Phó trưởng Công an xã và Công an viên được trang bị, sử dụng trang phục, phù hiệu, giấy chứng nhận Công an xã theo quy định của Chính phủ.

Để quy định chi tiết và hướng dẫn cụ thể về việc trang bị, sử dụng trang phục, phù hiệu, giấy chứng nhận Công an xã, Điều 6 Nghị định số 73/2009/NĐ-CP đã quy định cụ thể như sau:

- Về trang phục và niên hạn sử dụng trang phục của Công an xã được quy định như sau:

STT	Tên trang phục	Đơn vị tính	Số lượng	Niên hạn (năm)
1	Mũ mềm	cái	1	2
2	Mũ cứng	cái	1	3
3	Mũ bảo hiểm	cái	1	5
4	Quần, áo thu đông	bộ	1	2
5	Áo sơ mi	cái	2	2
6	Quần, áo xuân hè	bộ	1	1
7	Dây lưng nhỏ	cái	1	3
8	Giày da	đôi	1	2
9	Bít tất	đôi	2	1
10	Áo ấm	cái	1	3
11	Caravat	cái	1	2
12	Quần, áo đi mưa	bộ	1	3

Quần, áo thu đông và áo ấm được trang bị cho các địa phương từ Thừa Thiên Huế trở ra phía Bắc và 5 tỉnh Tây Nguyên; các địa phương còn lại được trang bị quần, áo xuân hè.

- Về màu trang phục:

+ Quần, áo, mũ, bít tất màu cỏ úa;

+ Dây lưng nhỏ màu nâu, khóa màu vàng;

+ Giày da màu đen.

- Về kiểu trang phục:

+ Áo thu đông: Áo mặc trong may kiểu sơ mi dài tay, cổ đứng (có thắt caravat); áo mặc ngoài

may kiểu veston dài tay, thân áo trước có 4 túi may ộp ngoài, cúc áo bằng nhựa cùng màu vải. Trên tay trái của áo có gắn phù hiệu Công an xã;

+ Áo xuân hè may kiểu bludong dài tay, cổ đứng; thân áo trước có 2 túi ngực may ộp ngoài, cúc áo bằng nhựa cùng màu vải. Trên tay trái áo có gắn phù hiệu Công an xã (hình lá chắn cao 90 mm, rộng 70 mm, nền màu xanh lục, đường viền xung quanh phù hiệu màu vàng, trên nền phù hiệu có hàng chữ Công an xã);

+ Quần may theo kiểu quần âu;

+ Mũ mềm, phía trên có gắn phù hiệu Công an xã (hình lá chắn, trên nền biểu tượng ở giữa có hình thanh kiếm và ngôi sao năm cánh màu vàng, dưới biểu tượng là hình nửa bánh xe và có hình cuốn thư màu vàng, trên nền cuốn thư có chữ “Công an xã” màu đỏ).

- Trang phục, phù hiệu và Giấy chứng nhận của Công an xã phải được quản lý chặt chẽ theo đúng chế độ quy định và chỉ được sử dụng khi thi hành công vụ. Nghiêm cấm việc cho mượn, cho thuê, mua, bán trái phép trang phục, phù hiệu Công an xã.

- Bộ trưởng Bộ Công an quy định cụ thể và hướng dẫn chi tiết mẫu trang phục, phù hiệu, Giấy chứng nhận Công an xã; quy định việc cấp, đổi, thu hồi và xử lý vi phạm đối với trường hợp làm mất Giấy chứng nhận Công an xã.

Để hướng dẫn cụ thể về giấy chứng nhận Công an xã, khoản 1 Điều 17 Thông tư số 12/2010/TT-BCA đã sửa đổi, bổ sung, quy định như sau:

Trưởng Công an xã, Phó trưởng Công an xã và Công an viên được sử dụng “Giấy chứng nhận Công an xã” do Công an cấp huyện cấp và phải mang theo khi thi hành nhiệm vụ.

Công an cấp huyện có trách nhiệm quản lý chặt chẽ việc cấp, đổi, thu hồi Giấy chứng nhận Công an xã.

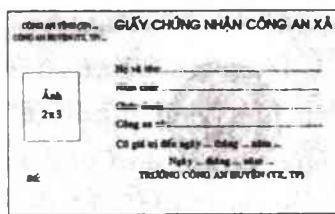
Người được cấp Giấy chứng nhận Công an xã có trách nhiệm giữ gìn, bảo quản và không được cho người khác mượn hoặc sử dụng; nếu bị mất hoặc hư hỏng, phải báo cáo ngay với Trưởng Công an xã để báo cáo Công an cấp huyện; khi không làm Công an xã, phải trả lại Giấy chứng nhận Công an xã cho cơ quan đã cấp; trường hợp để mất hoặc cho mượn Giấy chứng nhận Công an xã thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà có thể bị xử lý kỷ luật hoặc xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

Về hình dáng, kích thước, nội dung giấy chứng nhận Công an xã, tại Điều 1 Thông tư số 14/2014/TT-BCA ngày 04-4-2014 sửa đổi khoản 2 Điều 17 Thông tư số 12/2010/TT-BCA quy định cụ thể thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã và Nghị định số 73/2009/NĐ-CP như sau:

- Giấy chứng nhận Công an xã có hình dáng, kích thước, nội dung theo mẫu dưới đây:



Mặt trước



Mặt sau

- Hình dáng, kích thước: Hình chữ nhật, chiều dài 82 mm, chiều rộng 50 mm (tính theo nền vàng mặt sau);

- Mặt trước: Nền màu nâu, chữ màu vàng nhạt, trên cùng là Quốc hiệu và tiêu ngữ, phía dưới là dòng chữ “GIẤY CHỨNG NHẬN CÔNG AN XÃ”;

- Mặt sau: Nền màu vàng nhạt, có họa tiết hoa văn hình Công an hiệu và dòng chữ “CÔNG AN XÃ” in chìm ở khoảng giữa phần ghi các thông tin cá nhân. Bên trái, từ trên xuống: Dòng chữ “CÔNG AN TỈNH (TP)...”, “CÔNG AN HUYỆN (TX, TP)...”; ảnh (ảnh màu kiểu chân dung, cỡ 2 cm x 3 cm, mặc trang phục thu đông, địa phương không được cấp trang phục thu đông thì mặc trang phục xuân hè; đội mũ mềm có gắn Công an hiệu của lực lượng Công an xã), dấu nổi thu nhỏ đóng đè lên 1/4 góc dưới bên phải ảnh; số của giấy chứng nhận. Bên phải, từ trên xuống: Dòng chữ “GIẤY CHỨNG NHẬN

CÔNG AN XÃ”; họ và tên, năm sinh, chức danh của người được cấp giấy chứng nhận; Công an xã, thời hạn của giấy chứng nhận; ngày, tháng, năm cấp giấy chứng nhận; chức danh người cấp giấy chứng nhận, ký tên và đóng dấu. Dòng chữ “GIẤY CHỨNG NHẬN CÔNG AN XÃ” màu đỏ, các chữ và số còn lại màu đen.

Con dấu đóng đề lên 1/4 góc dưới bên phải ảnh là con dấu nổi thu nhỏ của Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; con dấu đóng lên chữ ký của người cấp giấy chứng nhận Công an xã là con dấu ướm thu nhỏ của Công an cấp huyện.

- Giấy chứng nhận Công an xã được làm bằng chất liệu giấy cứng; có thời hạn sử dụng là 05 năm.

**Câu hỏi 96. Theo quy định của pháp luật hiện hành, Công an xã được hưởng chế độ tiền lương và phụ cấp như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 18 Pháp lệnh Công an xã năm 2008, Trưởng Công an xã được hưởng lương và phụ cấp theo quy định của pháp luật.

Phó trưởng Công an xã và Công an viên được hưởng phụ cấp hàng tháng. Chính phủ quy định khung mức phụ cấp đối với Phó trưởng Công an xã và Công an viên.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào quy định của Chính phủ và thực tế ở địa phương trình

Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định phụ cấp cụ thể.

**Câu hỏi 97. Theo quy định của pháp luật hiện hành, chế độ, chính sách đối với Công an xã được thực hiện như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 19 Pháp lệnh Công an xã thì chế độ, chính sách đối với Công an xã được thực hiện như sau:

- Trưởng Công an xã, Phó trưởng Công an xã và Công an viên thực hiện bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật.

- Trưởng Công an xã có thời gian công tác liên tục từ đủ 60 tháng trở lên được hưởng phụ cấp thâm niên; có thời gian công tác liên tục từ đủ 15 năm trở lên nếu nghỉ việc vì lý do chính đáng mà chưa đủ điều kiện nghỉ hưu thì được hưởng trợ cấp một lần.

- Phó trưởng Công an xã và Công an viên có thời gian công tác liên tục từ đủ 15 năm trở lên nếu nghỉ việc vì lý do chính đáng thì được hưởng trợ cấp một lần.

- Phó trưởng Công an xã và Công an viên khi được cử đi tập trung đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng chính trị, pháp luật, nghiệp vụ được hưởng chế độ bồi dưỡng bằng mức tiền ăn cơ bản của chiến sĩ phục vụ có thời hạn trong Công an nhân dân; khi đi công tác được hưởng chế độ công tác phí.

- Trưởng Công an xã, Phó trưởng Công an xã và Công an viên khi làm nhiệm vụ thường trực sẵn sàng chiến đấu tại những nơi thuộc địa bàn trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự được hưởng chế độ theo quy định.

- Trưởng Công an xã, Phó trưởng Công an xã và Công an viên trong khi thi hành nhiệm vụ nếu bị thương hoặc hy sinh thì được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng; Phó trưởng Công an xã, Công an viên trong thời gian công tác nếu ốm đau được khám, chữa bệnh tại các cơ sở y tế và được xem xét hỗ trợ tiền khám, chữa bệnh từ nguồn ngân sách địa phương.

Để hướng dẫn chi tiết về chế độ, chính sách đối với Công an xã, Điều 7 Nghị định số 73/2009/NĐ-CP quy định như sau:

- Trưởng Công an xã, Phó trưởng Công an xã và Công an viên được hưởng chế độ lương, phụ cấp theo quy định của Chính phủ về chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn.

- Trưởng Công an xã, Phó trưởng Công an xã và Công an viên thực hiện bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội, Luật bảo hiểm y tế.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Bộ Công an hướng dẫn việc thực hiện bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế đối với Trưởng Công an xã, Phó trưởng Công an xã và Công an viên



theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội, Luật bảo hiểm y tế.

- Trưởng Công an xã có thời gian phục vụ liên tục từ đủ 60 tháng trở lên được hưởng phụ cấp thâm niên mỗi năm bằng 1% lương và phụ cấp hiện hưởng; có thời gian công tác liên tục từ đủ 15 năm trở lên nếu nghỉ việc vì lý do chính đáng mà chưa đủ điều kiện nghỉ hưu thì được hưởng trợ cấp một lần, cứ mỗi năm công tác được tính bằng 1,5 tháng mức bình quân tiền lương và phụ cấp đóng bảo hiểm hiện hưởng.

Phụ cấp thâm niên được chi trả hằng tháng cùng kỳ lương và dùng để đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế.

- Phó trưởng Công an xã và Công an viên có thời gian công tác liên tục từ đủ 15 năm trở lên nếu nghỉ việc vì lý do chính đáng thì được hưởng trợ cấp một lần, cứ mỗi năm công tác được tính bằng 1,5 tháng mức bình quân phụ cấp hiện hưởng; khi được cử đi tập trung đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng chính trị, pháp luật, nghiệp vụ được hưởng chế độ bồi dưỡng bằng mức tiền ăn cơ bản của chiến sĩ phục vụ có thời hạn trong Công an nhân dân; khi đi công tác được hưởng chế độ như đối với công chức cấp xã.

- Trưởng Công an xã, Phó trưởng Công an xã và Công an viên khi làm nhiệm vụ thường trực sẵn sàng chiến đấu tại những nơi thuộc địa bàn

trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự được hưởng trợ cấp mỗi ngày bằng 0,05 lần của lương tối thiểu chung. Trường hợp làm nhiệm vụ cách xa nơi cư trú, không có điều kiện đi, về hằng ngày thì được cơ quan đã ra quyết định huy động bố trí nơi nghỉ, hỗ trợ phương tiện, chi phí đi lại hoặc thanh toán tiền tàu xe một lần đi, về.

- Trưởng Công an xã, Phó trưởng Công an xã và Công an viên bị ốm đau trong thời gian công tác được khám, chữa bệnh tại các cơ sở y tế và được hỗ trợ thanh toán tiền khám, chữa bệnh từ nguồn ngân sách địa phương, mức hỗ trợ cụ thể do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.

- Trưởng Công an xã, Phó trưởng Công an xã và Công an viên bị tai nạn trong làm nhiệm vụ, trong khi tập trung đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng chính trị, pháp luật, nghiệp vụ hoặc trên đường đi làm nhiệm vụ, trên đường đi, về nơi tập trung huấn luyện, bồi dưỡng chính trị, pháp luật, nghiệp vụ theo quyết định triệu tập của cấp có thẩm quyền thì được hưởng các chế độ như sau:

+ Được thanh toán chi phí y tế trong quá trình sơ cứu, cấp cứu đến khi điều trị ổn định thương tật, xuất viện;

+ Sau khi điều trị, được Ủy ban nhân dân xã giới thiệu đi giám định khả năng lao động tại Hội đồng giám định y khoa theo quy định của pháp luật.

Trường hợp người có tham gia bảo hiểm xã hội thì thực hiện trợ cấp một lần hoặc hàng tháng theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội. Trường hợp người chưa tham gia bảo hiểm xã hội bị suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên thì được hưởng chế độ trợ cấp một lần, mức trợ cấp do Bộ Công an và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn cụ thể;

+ Người bị tai nạn làm khiếm khuyết một hay nhiều bộ phận cơ thể hoặc chức năng, biểu hiện dưới những dạng tật khác nhau, làm suy giảm khả năng hoạt động, khiến cho lao động, học tập gặp nhiều khó khăn thì được hưởng các chế độ ưu đãi theo quy định của pháp luật đối với người tàn tật;

+ Trường hợp bị chết, kể cả chết trong thời gian điều trị lần đầu, nếu người bị chết có tham gia bảo hiểm xã hội thì thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội; trường hợp người bị chết chưa tham gia bảo hiểm xã hội thì người chịu trách nhiệm mai táng được nhận tiền mai táng bằng 08 (tám) tháng lương tối thiểu và gia đình của người đó được trợ cấp một lần bằng 05 (năm) tháng lương tối thiểu.

- Trưởng Công an xã, Phó trưởng Công an xã và Công an viên bị thương, hy sinh trong khi làm nhiệm vụ hoặc vì lý do thi hành công vụ, được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng.

- Kinh phí chi trả các chế độ bị tai nạn do ngân sách địa phương chi trả. Đối với người có tham gia bảo hiểm xã hội thì do quỹ bảo hiểm xã hội chi trả.

**Câu hỏi 98. Nhà nước có chính sách như thế nào trong bảo đảm kinh phí và cơ sở vật chất phục vụ hoạt động của Công an xã?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 14 Pháp lệnh Công an xã năm 2008, nguồn kinh phí phục vụ hoạt động của Công an xã gồm ngân sách trung ương và ngân sách địa phương. Nhà nước bảo đảm kinh phí và cơ sở vật chất phục vụ hoạt động, đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng, thực hiện chế độ, chính sách và các điều kiện cần thiết khác cho Công an xã.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 73/2009/NĐ-CP, chi ngân sách nhà nước bảo đảm cho hoạt động của Công an xã được thực hiện như sau:

- Về nhiệm vụ chi của Bộ Công an:

+ Bảo đảm công tác đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng về chính trị, pháp luật, nghiệp vụ cho lực lượng Công an xã do Bộ Công an tổ chức và bảo đảm chế độ bồi dưỡng cho Phó trưởng Công an xã và Công an viên khi được cử đi học tập tại các khóa đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng đó;

+ Sản xuất, mua sắm, sửa chữa vũ khí, công cụ hỗ trợ, trang thiết bị, mẫu trang phục, phù hiệu, Giấy chứng nhận Công an xã;

+ Chi tổng kết, khen thưởng trong công tác xây dựng lực lượng Công an xã do Bộ Công an tổ chức;

+ Các khoản chi khác cho Công an xã theo quy định của pháp luật thuộc trách nhiệm của Bộ Công an.

- Về nhiệm vụ chi của địa phương:

+ Chi trả tiền lương, phụ cấp và đóng, nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

+ Thực hiện các chế độ, chính sách: bồi dưỡng, trợ cấp, ốm đau, thai sản, tai nạn, bị thương, bị hy sinh hoặc tử trần;

+ Chi cho công tác đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng chính trị, pháp luật, nghiệp vụ do địa phương tổ chức và bảo đảm chế độ bồi dưỡng cho Phó trưởng Công an xã và Công an viên khi được cử đi học tập tại các đợt đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng đó;

+ Mua sắm trang phục, phù hiệu và in, cấp Giấy chứng nhận Công an xã theo mẫu quy định của Bộ Công an;

+ Chi sơ kết, tổng kết và khen thưởng đơn vị, tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác xây dựng lực lượng Công an xã do địa phương tổ chức;

+ Các khoản chi khác cho Công an xã theo quy định của pháp luật thuộc trách nhiệm của địa phương.

Đối với một số nhiệm vụ chi nếu đã thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế thì do cơ quan bảo hiểm xã hội chi trả, ngân sách nhà nước không thực hiện nhiệm vụ chi này;

- Việc lập dự toán, chấp hành và quyết toán ngân sách bảo đảm cho hoạt động của Công an xã được thực hiện theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

**Câu hỏi 99. Trách nhiệm quản lý nhà nước về Công an xã được quy định như thế nào?**

***Trả lời:***

Theo quy định tại Điều 20 Pháp lệnh Công an xã năm 2008, trách nhiệm quản lý nhà nước về Công an xã như sau:

- Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về Công an xã.

- Bộ Công an chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về Công an xã.

**Câu hỏi 100. Để thực hiện tốt nhiệm vụ thực hiện quản lý nhà nước về Công an xã, pháp luật hiện hành quy định về trách nhiệm của Bộ Công an như thế nào?**

***Trả lời:***

Theo quy định tại Điều 21 Pháp lệnh Công an xã, với chức năng, nhiệm vụ là Bộ chịu trách nhiệm

trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về Công an xã, Bộ Công an có trách nhiệm:

- Trình Chính phủ ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về Công an xã;

- Quy định cụ thể và chỉ đạo thực hiện việc điều động sĩ quan, hạ sĩ quan Công an nhân dân đảm nhiệm các chức danh Công an xã;

- Quy định chương trình, nội dung, thời gian và tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng chính trị, pháp luật, nghiệp vụ cho Công an xã;

- Chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ đối với Công an xã; quy định số lượng, chủng loại và hướng dẫn quản lý, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ và trang thiết bị cho Công an xã;

- Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra Ủy ban nhân dân các cấp về việc quản lý, xây dựng lực lượng Công an xã, bảo đảm các điều kiện hoạt động của Công an xã, thực hiện các chế độ, chính sách đối với Trưởng Công an xã, Phó trưởng Công an xã và Công an viên;

- Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo; khen thưởng và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật; đình chỉ, bãi bỏ theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền đình chỉ, bãi bỏ những quy định về Công an xã trái với quy định của pháp luật.

**Câu hỏi 101.** Các bộ, cơ quan ngang bộ có trách nhiệm như thế nào trong việc thực hiện quản lý nhà nước về Công an xã?

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 22 Pháp lệnh Công an xã năm 2008, bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Công an thực hiện quản lý nhà nước về Công an xã theo quy định của Pháp lệnh Công an xã và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

**Câu hỏi 102.** Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm như thế nào trong việc thực hiện quản lý nhà nước về Công an xã?

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 23 Pháp lệnh Công an xã năm 2008, Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện quản lý nhà nước về Công an xã theo quy định của Pháp lệnh Công an xã và các quy định khác của pháp luật có liên quan, bao gồm:

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về Công an xã;
- Tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về Công an xã;
- Thực hiện chức năng quản lý, chỉ đạo tổ chức, hoạt động của Công an xã theo thẩm quyền



và theo hướng dẫn của Công an cấp trên; bố trí trụ sở hoặc nơi làm việc cho Công an xã; cấp kinh phí bảo đảm cho hoạt động của Công an xã và thực hiện các chế độ, chính sách đối với Trưởng Công an xã, Phó trưởng Công an xã và Công an viên;

- Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo; khen thưởng và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

## MỤC LỤC

	Trang
<i>Chú dẫn của Nhà xuất bản</i>	5
I. VỊ TRÍ, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ TỔ CHỨC CỦA CÔNG AN XÃ	7
Câu hỏi 1. Theo quy định của pháp luật hiện hành, lực lượng Công an xã được xác định như thế nào trong cơ cấu và hệ thống tổ chức Công an nhân dân?	7
Câu hỏi 2. Lực lượng Công an xã có vị trí như thế nào trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh Tổ quốc, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội?	8
Câu hỏi 3. Lực lượng Công an xã có những chức năng cơ bản gì?	8
Câu hỏi 4. Để thực hiện tốt vị trí, chức năng của mình theo quy định của pháp luật, Công an xã được thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn cơ bản nào?	9
Câu hỏi 5. Là lực lượng vũ trang bán chuyên trách ở cơ sở, làm nòng cốt trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn xã, Công an xã hoạt động theo nguyên tắc tổ chức và hoạt động như thế nào?	12

- Câu hỏi 6. Những cơ quan nhà nước nào có thẩm quyền giám sát việc thực hiện pháp luật về Công an xã và hoạt động của Công an xã? 13
- Câu hỏi 7. Trong thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội, quan hệ phối hợp giữa Công an xã với cơ quan, tổ chức, cá nhân và đơn vị vũ trang nhân dân được xác định như thế nào? 14
- Câu hỏi 8. Liên quan đến lực lượng Công an xã, pháp luật hiện hành quy định như thế nào về những hành vi bị nghiêm cấm đối với nhóm đối tượng là cơ quan, tổ chức, cá nhân? 15
- Câu hỏi 9. Pháp luật hiện hành quy định những hành vi nào bị nghiêm cấm đối với Công an xã? 16
- Câu hỏi 10. Theo quy định của pháp luật hiện hành, Công an xã có những chức danh nào? 16
- Câu hỏi 11. Thẩm quyền quyết định khung số lượng Phó trưởng Công an xã và Công an viên là chủ thể nào? 17
- Câu hỏi 12. Việc bố trí khung số lượng Phó trưởng Công an xã được xác định dựa trên những cơ sở nào? 17
- Câu hỏi 13. Theo quy định của pháp luật hiện hành, việc xác định xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự được thực hiện như thế nào? 18
- Câu hỏi 14. Việc xác định xã loại 1, xã loại 2 được pháp luật hiện hành quy định như thế nào? 20

- Câu hỏi 15. Việc bố trí Công an viên tại địa bàn cơ sở và tại trụ sở hoặc nơi làm việc được quy định như thế nào? 24
- Câu hỏi 16. Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm như thế nào trong việc đề xuất quy định Phó trưởng Công an xã và Công an viên? 25
- Câu hỏi 17. Việc tuyển chọn vào Công an xã cần bảo đảm những tiêu chuẩn cơ bản nào? 26
- Câu hỏi 18. Đối tượng nào được ưu tiên tuyển chọn tham gia lực lượng Công an xã? 28
- Câu hỏi 19. Việc tuyển chọn người tham gia Công an xã cần bảo đảm những nguyên tắc nào? 28
- Câu hỏi 20. Hồ sơ tuyển chọn vào Công an xã bao gồm những tài liệu, giấy tờ gì? 28
- Câu hỏi 21. Chính quyền địa phương có trách nhiệm như thế nào trong việc quy hoạch, kế hoạch tuyển chọn, bố trí, sử dụng Công an xã? 29
- Câu hỏi 22. Trình tự, thủ tục, thẩm quyền quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, cách chức Trưởng Công an xã được pháp luật quy định như thế nào? 29
- Câu hỏi 23. Trình tự, thủ tục, thẩm quyền quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó trưởng Công an xã được quy định như thế nào? 30
- Câu hỏi 24. Trình tự, thủ tục, thẩm quyền quyết định công nhận, miễn nhiệm Công an viên được quy định như thế nào? 31

- Câu hỏi 25. Trong trường hợp nào thì được điều động sĩ quan, hạ sĩ quan Công an nhân dân đảm nhiệm các chức danh Công an xã và trình tự, thủ tục, thẩm quyền quyết định trong trường hợp này được pháp luật quy định như thế nào? 31
- Câu hỏi 26. Theo quy định của pháp luật hiện hành, Trưởng Công an xã có nhiệm vụ, quyền hạn như thế nào? 32
- Câu hỏi 27. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó trưởng Công an xã được pháp luật quy định như thế nào? 36
- Câu hỏi 28. Theo quy định của pháp luật hiện hành, Công an viên được thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn nào? 36
- Câu hỏi 29. Trong công tác nắm tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội, Công an xã phải tìm hiểu và nắm vững những nội dung cơ bản gì? 36
- Câu hỏi 30. Công an xã có trách nhiệm như thế nào trong việc thẩm tra, xác minh, phân loại để có biện pháp xử lý thích hợp đối với các tin tức, vụ việc về an ninh, trật tự, an toàn xã hội? 38
- Câu hỏi 31. Với trách nhiệm là lực lượng làm nòng cốt trong xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, Công an xã cần tổ chức và triển khai thực hiện tốt những nội dung, công việc nào? 40
- Câu hỏi 32. Theo quy định của pháp luật hiện hành, Công an xã có trách nhiệm như thế

- nào trong công tác phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội; bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tính mạng, tài sản của cá nhân, cơ quan, tổ chức trên địa bàn xã? 41
- Câu hỏi 33. Trách nhiệm của Công an xã trong việc tiếp nhận, phân loại tố giác, tin báo về tội phạm được pháp luật quy định như thế nào? 42
- Câu hỏi 34. Trong trường hợp giải quyết tiếp nhận tố giác, tin báo về hành vi phạm tội đang diễn ra trên địa bàn, Công an xã cần tập trung thực hiện tốt những công việc gì? 44
- Câu hỏi 35. Trong trường hợp người bị hại hoặc người thân thích của họ trực tiếp đến Công an cấp xã, đồn, trạm Công an để trình báo về việc mình hoặc người thân thích bị xâm hại thì Công an xã cần tiến hành những công việc gì để giải quyết? 44
- Câu hỏi 36. Quản lý cư trú, giấy chứng minh nhân dân và các giấy tờ đi lại khác là một trong những nhiệm vụ, quyền hạn quan trọng, thường xuyên do lực lượng Công an xã tiến hành. Vậy, để thực hiện tốt nhiệm vụ, quyền hạn này, Công an xã cần tổ chức triển khai thực hiện những nội dung cơ bản nào? 45
- Câu hỏi 37. Theo quy định của pháp luật hiện hành, tại địa bàn các tỉnh, Công an xã có trách nhiệm như thế nào trong việc đăng ký thường trú? 47

- Câu hỏi 38. Theo quy định của pháp luật về cư trú, trong những trường hợp nào bị xóa đăng ký thường trú? Thẩm quyền của Công an xã trong việc xóa đăng ký thường trú được quy định như thế nào? 48
- Câu hỏi 39. Công an xã có trách nhiệm như thế nào khi công dân thực hiện việc thay đổi nơi đăng ký thường trú trong trường hợp chuyển chỗ ở hợp pháp? 50
- Câu hỏi 40. Theo quy định của pháp luật hiện hành, Công an xã có thẩm quyền cấp giấy chuyển hộ khẩu trong trường hợp nào? Hồ sơ cấp giấy chuyển hộ khẩu bao gồm những loại hồ sơ nào? 50
- Câu hỏi 41. Trong những trường hợp nào công dân không phải cấp giấy chuyển hộ khẩu? 51
- Câu hỏi 42. Thời hạn và trách nhiệm của Công an xã trong việc điều chỉnh, bổ sung các thay đổi trong sổ hộ khẩu? Trong quá trình xem xét, quyết định điều chỉnh những thay đổi trong sổ hộ khẩu, Công an xã cần chú ý những nội dung nào? 52
- Câu hỏi 43. Đăng ký tạm trú là gì? Thời hạn và trách nhiệm của Công an xã trong việc cấp sổ tạm trú theo quy định của pháp luật? Trong quá trình xem xét, quyết định cấp sổ tạm trú, Công an xã cần chú ý những nội dung nào? 53
- Câu hỏi 44. Thông báo việc lưu trú và trách nhiệm của Công an xã trong việc tiếp nhận

- thông báo lưu trú được pháp luật quy định như thế nào? 56
- Câu hỏi 45. Trong việc khai báo tạm vắng, Công an xã có trách nhiệm gì? Những nội dung nào cần chú ý trong quá trình thực hiện việc cấp khai báo tạm vắng? 57
- Câu hỏi 46. Theo quy định của pháp luật hiện hành, người làm công tác đăng ký, quản lý cư trú cần bảo đảm những điều kiện gì để thực hiện tốt nhiệm vụ, quyền hạn của mình? 59
- Câu hỏi 47. Trình tự giải quyết đăng ký thường trú đối với Công an viên được giao làm nhiệm vụ đăng ký thường trú được pháp luật quy định như thế nào? 60
- Câu hỏi 48. Trình tự giải quyết đăng ký thường trú đối với Trưởng Công an xã được pháp luật quy định như thế nào? 62
- Câu hỏi 49. Trình tự giải quyết xóa đăng ký thường trú đối với Công an viên được giao làm nhiệm vụ đăng ký được pháp luật quy định như thế nào? 64
- Câu hỏi 50. Trình tự giải quyết xóa đăng ký thường trú đối với Trưởng Công an xã được pháp luật quy định như thế nào? 66
- Câu hỏi 51. Trong quá trình giải quyết tách sổ hộ khẩu, Công an viên được giao làm nhiệm vụ đăng ký cần chú ý thực hiện những trình tự như thế nào theo quy định của pháp luật? 67



- Câu hỏi 52. Trình tự giải quyết tách sổ hộ khẩu đối với Trưởng Công an xã được pháp luật quy định như thế nào? 68
- Câu hỏi 53. Trong quá trình giải quyết cấp giấy chuyển hộ khẩu, Công an viên được giao làm nhiệm vụ đăng ký cần chú ý thực hiện những trình tự như thế nào theo quy định của pháp luật? 69
- Câu hỏi 54. Trình tự giải quyết cấp giấy chuyển hộ khẩu đối với Trưởng Công an xã được pháp luật quy định như thế nào? 70
- Câu hỏi 55. Trong quá trình giải quyết đổi, cấp lại hoặc điều chỉnh những thay đổi trong sổ hộ khẩu, Công an viên được giao làm nhiệm vụ đăng ký cần chú ý thực hiện những trình tự như thế nào theo quy định của pháp luật? 71
- Câu hỏi 56. Trình tự giải quyết đổi, cấp lại hoặc điều chỉnh những thay đổi trong sổ hộ khẩu đối với Trưởng Công an xã được pháp luật quy định như thế nào? 73
- Câu hỏi 57. Trong quá trình giải quyết đăng ký tạm trú, đổi, cấp lại, gia hạn tạm trú hoặc điều chỉnh những thay đổi trong sổ tạm trú, Công an viên được giao làm nhiệm vụ đăng ký cần chú ý thực hiện những trình tự như thế nào theo quy định của pháp luật? 74
- Câu hỏi 58. Trình tự giải quyết đăng ký tạm trú, đổi, cấp lại, gia hạn tạm trú hoặc điều chỉnh những thay đổi trong sổ tạm

- trú đối với Trưởng Công an xã được pháp luật quy định như thế nào? 75
- Câu hỏi 59. Hồ sơ đăng ký tạm trú, đổi, cấp lại, gia hạn tạm trú hoặc điều chỉnh những thay đổi trong sổ tạm trú được lưu trữ, bảo quản ở đâu và được sắp xếp theo thứ tự như thế nào? 76
- Câu hỏi 60. Theo quy định của pháp luật hiện hành, Công an xã có trách nhiệm như thế nào trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ? 77
- Câu hỏi 61. Trong công tác phòng cháy và chữa cháy và bảo vệ môi trường, Công an xã có trách nhiệm như thế nào? 78
- Câu hỏi 62. Theo quy định của pháp luật hiện hành, Công an xã có trách nhiệm như thế nào trong công tác quản lý nhà nước về an ninh, trật tự đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự trên địa bàn xã? 78
- Câu hỏi 63. Những công việc nào cần tiến hành sau khi lực lượng Công an xã bắt người phạm tội quả tang, người có quyết định truy nã, truy tìm hoặc tiếp nhận người phạm tội tự thú, đầu thú? 79
- Câu hỏi 64. Những vấn đề nào cần lưu ý đối với Công an xã trong việc thực hiện thẩm quyền huy động người, phương tiện trong trường hợp cấp thiết theo quy định của pháp luật? 82

- Câu hỏi 65. Theo quy định của pháp luật hiện hành, Công an xã có trách nhiệm như thế nào trong công tác tham gia phối hợp bảo đảm trật tự, an toàn giao thông? 83
- Câu hỏi 66. Những trường hợp nào được xác định là trường hợp cần thiết phải huy động lực lượng Công an xã phối hợp với Cảnh sát giao thông đường bộ tham gia tuần tra, kiểm soát trật tự, an toàn giao thông đường bộ? 84
- Câu hỏi 67. Theo quy định của pháp luật, thẩm quyền huy động lực lượng Công an xã phối hợp với Cảnh sát giao thông đường bộ tham gia tuần tra, kiểm soát trật tự, an toàn giao thông đường bộ được quy định như thế nào? 85
- Câu hỏi 68. Việc huy động lực lượng Công an xã phối hợp với Cảnh sát giao thông đường bộ tham gia tuần tra, kiểm soát trật tự, an toàn giao thông đường bộ được thực hiện theo trình tự, thủ tục như thế nào? 86
- Câu hỏi 69. Cơ chế phối hợp giữa lực lượng Công an xã với Cảnh sát giao thông đường bộ tham gia tuần tra, kiểm soát trật tự, an toàn giao thông đường bộ được thực hiện như thế nào? 87
- Câu hỏi 70. Trong quá trình thực thi công vụ khi tham gia tuần tra, kiểm soát trật tự, an toàn giao thông đường bộ, lực lượng Công an xã cần tập trung thực hiện tốt những nhiệm vụ cụ thể nào? 89

- Câu hỏi 71. Công an xã được huy động phối hợp với cảnh sát giao thông đường bộ tham gia tuần tra, kiểm soát trật tự, an toàn giao thông đường bộ cần bảo đảm những điều kiện cơ bản nào? 91
- Câu hỏi 72. Khi tham gia thực hiện nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát trật tự, an toàn giao thông đường bộ, lực lượng Công an xã được trang bị phương tiện và các điều kiện bảo đảm như thế nào? 91
- Câu hỏi 73. Chủ thể nào có thẩm quyền giao những nhiệm vụ khác về an ninh, trật tự, an toàn xã hội cho lực lượng Công an xã? Trường hợp nhiệm vụ được giao không phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Công an xã hoặc cấp ủy Đảng, Ủy ban nhân dân xã có ý kiến chỉ đạo chưa thống nhất với chỉ đạo của Công an cấp trên thì giải quyết như thế nào? 94
- Câu hỏi 74. Theo quy định của pháp luật hiện hành, thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính của Trưởng Công an xã được quy định như thế nào? 95
- Câu hỏi 75. Theo quy định của pháp luật hiện hành, Trưởng Công an xã có được giao thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính cho Phó trưởng Công an xã hay không? Nếu có thì việc giao thẩm quyền xử phạt được quy định như thế nào? 96

- Câu hỏi 76. Theo quy định của pháp luật hiện hành, Trưởng Công an xã có thẩm quyền tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 39 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (2.500.000 đồng). Vậy, thủ tục để thực hiện thẩm quyền này như thế nào? 97
- Câu hỏi 77. Công an xã có trách nhiệm như thế nào trong việc lập hồ sơ đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã xem xét, quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn? 98
- Câu hỏi 78. Với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Công an xã có trách nhiệm như thế nào trong việc giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp thực hiện việc lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng? 99
- Câu hỏi 79. Với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Công an xã có trách nhiệm như thế nào trong việc giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp thực hiện việc lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc? 101
- Câu hỏi 80. Với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Công an xã có trách nhiệm như thế nào trong việc giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp thực hiện việc lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc? 102

Câu hỏi 81. Pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính quy định như thế nào về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Trưởng Công an xã trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình? 103

## II. BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG, CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH VÀ TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CÔNG AN XÃ 106

Câu hỏi 82. Theo quy định của pháp luật hiện hành, Trưởng Công an xã, Phó trưởng Công an xã được đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện ở đâu? 106

Câu hỏi 83. Việc bồi dưỡng, huấn luyện đối với Công an xã phải bảo đảm mục đích, yêu cầu gì? 107

Câu hỏi 84. Thời gian bồi dưỡng, huấn luyện một khóa đối với Công an xã là bao lâu? 108

Câu hỏi 85. Theo quy định của pháp luật hiện hành, chương trình bồi dưỡng, huấn luyện đối với Công an xã bao gồm những nội dung gì? 108

Câu hỏi 86. Theo quy định của pháp luật hiện hành, nội dung về một số vấn đề cơ bản của công tác quản lý nhà nước về an ninh, trật tự nằm trong chương trình bồi dưỡng, huấn luyện đối với Công an xã có những chuyên đề nào? Những nội dung cơ bản của những chuyên đề đó là gì? 109

- Câu hỏi 87. Theo quy định của pháp luật hiện hành, nội dung về công tác điều tra cơ bản nắm tình hình về an ninh, trật tự ở xã nằm trong chương trình bồi dưỡng, huấn luyện đối với Công an xã có những chuyên đề nào? Những nội dung cơ bản của những chuyên đề đó là gì? 111
- Câu hỏi 88. Theo quy định của pháp luật hiện hành, nội dung về chương trình huấn luyện sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ nằm trong chương trình bồi dưỡng, huấn luyện đối với Công an xã có những chuyên đề nào? Những nội dung cơ bản của những chuyên đề đó là gì? 114
- Câu hỏi 89. Trong chương trình bồi dưỡng, huấn luyện đối với Công an xã cần nắm vững và thực hiện tốt phương pháp bồi dưỡng, huấn luyện nào? 115
- Câu hỏi 90. Trách nhiệm biên soạn chương trình và tổ chức bồi dưỡng, huấn luyện đối với Công an xã được quy định như thế nào? 115
- Câu hỏi 91. Việc bố trí kinh phí bồi dưỡng, huấn luyện đối với Công an xã được quy định như thế nào? 116
- Câu hỏi 92. Để hoàn thành vị trí, chức năng, nhiệm vụ được giao, Công an xã được bảo đảm về nơi làm việc và trang bị như thế nào? 117
- Câu hỏi 93. Việc trang bị, quản lý vũ khí, công cụ hỗ trợ đối với Công an xã được thực hiện như thế nào? 117

- Câu hỏi 94. Việc trang bị hồ sơ, sổ sách và trang, thiết bị, phương tiện cần thiết phục vụ công tác của Công an xã được quy định như thế nào? 119
- Câu hỏi 95. Pháp luật hiện hành quy định như thế nào về việc Công an xã được trang bị, sử dụng trang phục, phù hiệu, giấy chứng nhận Công an xã? 120
- Câu hỏi 96. Theo quy định của pháp luật hiện hành, Công an xã được hưởng chế độ tiền lương và phụ cấp như thế nào? 125
- Câu hỏi 97. Theo quy định của pháp luật hiện hành, chế độ, chính sách đối với Công an xã được thực hiện như thế nào? 126
- Câu hỏi 98. Nhà nước có chính sách như thế nào trong bảo đảm kinh phí và cơ sở vật chất phục vụ hoạt động của Công an xã? 131
- Câu hỏi 99. Trách nhiệm quản lý nhà nước về Công an xã được quy định như thế nào? 133
- Câu hỏi 100. Để thực hiện tốt nhiệm vụ thực hiện quản lý nhà nước về Công an xã, pháp luật hiện hành quy định về trách nhiệm của Bộ Công an như thế nào? 133
- Câu hỏi 101. Các bộ, cơ quan ngang bộ có trách nhiệm như thế nào trong việc thực hiện quản lý nhà nước về Công an xã? 135
- Câu hỏi 102. Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm như thế nào trong việc thực hiện quản lý nhà nước về Công an xã? 135



Chịu trách nhiệm xuất bản  
Q. GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP  
NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT  
TS. HOÀNG PHONG HÀ

Chịu trách nhiệm nội dung  
ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP - XUẤT BẢN  
PHẠM VIỆT

GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP  
NHÀ XUẤT BẢN CÔNG AN NHÂN DÂN  
Đại tá NGUYỄN HỒNG THÁI  
PHÓ GIÁM ĐỐC - PHÓ TỔNG BIÊN TẬP  
Đại tá, ThS. MÃ DUY QUÂN

Biên tập nội dung: HOÀNG THỊ TUYẾT  
ĐỖ HƯƠNG CÚC  
Trình bày bìa: NGUYỄN MẠNH HÙNG  
Chế bản vi tính: HOÀNG MINH TÂM  
Sửa bản in: PHÒNG BIÊN TẬP KỸ THUẬT  
Đọc sách mẫu: HOÀNG THỊ TUYẾT

---

In 14.206 cuốn, khổ 12,5x20,5 cm, tại Nhà in Sự Thật.  
A2CN4 Cụm công nghiệp Từ Liêm - Hà Nội.  
Số đăng ký xuất bản: 3693-2015/CXBIPH/8-180/CTQG.  
Quyết định xuất bản số: 6649-QĐ/NXBCTQG ngày 08-12-2015.  
Mã số ISBN: 978-604-57-2103-2.  
In xong nộp lưu chiểu tháng 12 năm 2015.

# NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT

12/86 Duy Tân - Cầu Giấy - Hà Nội

ĐT: 080.49221 Fax: 080.49222

Email: suthat@nxbctqg.vn Website: www.nxbctqg.vn

## TÌM ĐỌC

PGS.TS. Trần Thị Cúc - GVC.ThS. Lê Thị Thảo

- HỎI - ĐÁP VỀ QUẢN LÝ ĐỊA CHÍNH - ĐẤT ĐAI CỦA CHÍNH QUYỀN  
CẤP XÃ (TÁI BẢN CÓ SỬA CHỮA, BỔ SUNG)

PGS.TS. Văn Tất Thu (Chủ biên)

- KỸ NĂNG LÃNH ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CỦA CHỦ TỊCH, PHÓ CHỦ TỊCH  
ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

Lan Anh

- HỎI - ĐÁP VỀ LUẬT KHIẾU NẠI VÀ LUẬT TỔ CÁO



8935211177673

ISBN 978-604-57-2103-2



9 786045 721032

SÁCH KHÔNG BÁN